

Bài 4

TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc

Đọc văn bản

- VB 1: *Lời tiễn dặn* (Trích *Tiễn dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái)
- VB 2: *Dương phụ hành* (*Bài hành về người thiếu phụ phương Tây* – Cao Bá Quát)
- VB 3: *Thuyền và biển* (Xuân Quỳnh)

Thực hành đọc: *Nàng Ờm nhắn nhủ* (Trích *Nàng Ờm* – chàng *Bồng Hương* – truyện thơ dân tộc Mường)

2. Thực hành tiếng Việt: Lỗi về thành phần câu và cách sửa

3. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

4. Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 09 Tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i> . - HS biết đọc hiểu văn bản truyện thơ dân gian và thơ trữ tình: + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả,... + Nhận biết và phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình. + Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống. - HS nhận biết được các kiểu lỗi về thành phần câu, biết cách sửa lỗi và vận dụng vào việc sử dụng tiếng Việt của bản thân. - HS viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

	- HS biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hóa.
--	---

II. PHẨM CHẤT

Biết đồng cảm, yêu thương con người; biết trân trọng vẻ đẹp thủy chung trong tình yêu.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, bảng kiểm, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học sinh

- Đọc phần Tri Thức Ngữ Văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 35, 36

VĂN BẢN 1: LỜI TIỄN DẶN

(Trích *Tiến dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của truyện thơ dân gian trên các phương diện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả,...

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ (thể hiện qua văn bản đọc).

2. Phẩm chất: HS đồng cảm với tình yêu sắt son giữa hai nhân vật và thái độ ca ngợi tình yêu đó của tác giả dân gian.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, bảng kiểm,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: HS huy động tri thức, kinh nghiệm, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem Clip https://www.youtube.com/shorts/msaR1Zlu31A - GV hỏi: + Clip cho em biết về điều gì? + Em thấy các nhân vật có tâm trạng như thế nào? + Từ trải nghiệm của bản thân, em hãy đọc câu thơ hoặc kể mẫu chuyện em biết về vấn đề em thấy ở trên. + Nêu một vài suy nghĩ của em về điều mà chúng ta vừa trao đổi ở trên. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS bàn bạc, trao đổi theo nhóm bàn thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động. - Đại diện HS trả lời câu hỏi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn vào bài: <i>Tình yêu với nhiều cung bậc, sắc thái,... muôn đời hấp dẫn con người. Điều gì khiến tình yêu trở thành một đề tài bất tận của văn học? Chúng ta hãy cùng nhau đến với “Lời tiễn dặn” (Trích “Tiễn dặn người yêu” – truyện thơ dân tộc Thái) để tìm hiểu nhé!</i>	- Chuyện tình li tán, người yêu đi lấy chồng. - Cô gái không vui, chàng trai đau khổ. - HS thể hiện những trải nghiệm của bản thân. - HS nêu những suy nghĩ cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu truyện thơ, truyện thơ dân gian và yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: *Con số may mắn*

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS chơi trò chơi Con số may mắn: + Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.101, 102 (5 phút), sau đó gấp SGK lại. + GV chọn MC và 4 người chơi, người chơi trả lời thua sẽ mất lượt chơi nhường phần trả lời và chọn số cho người tiếp theo. + GV đặt cho mỗi câu hỏi một con số, chọn một vài con số là con số may mắn có trị giá 20 điểm, những con số khác có trị giá điểm từ 1 điểm – 10 điểm. + Để bắt đầu cuộc chơi, người chơi chọn con số để biết thứ tự được trả lời theo mỗi vòng chơi. - HS lần lượt tham gia bằng cách chọn số và trả lời câu hỏi để được nhiều điểm nhất. (HS tham gia trả lời 3 vòng câu hỏi, mỗi câu hỏi trong 20 s), cụ thể: Vòng 1. Luật chơi: Loại người có số điểm thấp nhất, chỉ còn 3 người chơi vòng tiếp theo. Câu 1. Truyện thơ thuộc loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,... A. Đúng B. Sai (Đáp án: Đúng - 1 điểm) Câu 2. Truyện thơ được thể hiện dưới hình thức thơ A. Đúng B. Sai (Đáp án: Đúng - 5 điểm) Câu 3. Truyện thơ dân gian do tầng lớp trí thức Tây học sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác A. Đúng B. Sai (Đáp án: Sai - 20 điểm – con số may mắn) Câu 4. Truyện thơ dân gian phát triển chủ yếu trong sinh hoạt văn hóa, văn học của cộng đồng dân tộc người Kinh. A. Đúng B. Sai (Đáp án: Sai - 5 điểm)	I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn 1. Truyện thơ và truyện thơ dân gian a. Truyện thơ - Định nghĩa: Truyện thơ thuộc loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,... nhưng lại được thể hiện dưới hình thức thơ. - Dung lượng và đề tài: + Dung lượng tương đối lớn, + Bao quát nhiều sự kiện, con người, chi tiết cụ thể, sinh động của đời sống thường nhật. - Điều kiện tồn tại và phát triển: Truyện thơ hiện diện trong nhiều nền văn học, có lịch sử lâu đời, phát triển thành một số dòng riêng theo sự chi phối của các điều kiện văn hóa, xã hội cụ thể. b. Truyện thơ dân gian - Lực lượng sáng tác: Tầng lớp bình dân hoặc các trí thức sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác; - Lưu hành: chủ yếu bằng con đường truyền miệng nhưng cũng có khi thông qua các văn bản viết. - Nguồn gốc đề tài của truyện thơ dân gian: Truyện thơ dân gian khai thác đề tài từ nhiều nguồn khác nhau như truyện cổ, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường. - Đặc điểm:

Câu 5. Thơ trữ tình đặt trọng tâm vào việc kể một câu chuyện, có nhân vật, có tính cách, có bối cảnh không gian và thời gian với rất nhiều chi tiết cụ thể.

A. Đúng

B. Sai

(Đáp án: Sai - 5 điểm)

Vòng 2. Luật chơi: Loại người nổi chậm nhất, sai nhiều nhất

Nội cột

Dân tộc	STT	Nội	STT	Truyện thơ
Tày Nùng	1		A	Nam Kim – Thị Đan; Trần Châu, Quảng Tân – Ngọc Lương; Kim Quế; Chuyện chim sáo; Vượt biển,...
Thái	2		B	Tiến dặn người yêu; Chàng Lú – nàng Ủa; Khăm Panh;...
Mường	3		C	Sì Thạch; Tùm Tiêu
Mông	4		D	Út Lót – Hồ Liêu; Nàng Nga – Hai Mối; Nàng Ờm – chàng Bồng Hương
Chăm	5		E	Hoàng tử Um Rúp và cô gái chăn dê; Têva Murnô
Khơ-me	6		G	Tiếng hát làm dâu; Nhàng Dợ - Chà Tăng

(Đáp án: 20 điểm – con số may mắn):

Dân tộc Tày Nùng có: Nam Kim – Thị Đan; Trần Châu; Quảng Tân – Ngọc Lương; Kim Quế; Chuyện chim sáo; Vượt biển;...

Dân tộc Thái có: Tiến dặn người yêu; Chàng Lú – nàng Ủa; Khăm Panh;...

Dân tộc Mường có: Út Lót – Hồ Liêu; Nàng Nga – Hai Mối; Nàng Ờm – chàng Bồng Hương;...

Dân tộc Mông có: Tiếng hát làm dâu; Nhàng Dợ - Chà Tăng;...

Dân tộc Chăm có: Hoàng tử Um Rúp và cô gái chăn dê; Têva Murnô;... + **Dân tộc**

+ Kể thừa truyền thống của dân ca với sự kết hợp hài hòa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình
+ Nội dung: Thể hiện được một cách sinh động đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo.

+ Ngôn ngữ: giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống hòa đồng, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây,...

- Điều kiện phát triển riêng biệt: Đặc biệt phát triển trong sinh hoạt văn hóa, văn học của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

- Một số truyện thơ dân gian tiêu biểu:

+ **Dân tộc Tày Nùng có:** Nam Kim – Thị Đan; Trần Châu; Quảng Tân – Ngọc Lương; Kim Quế; Chuyện chim sáo; Vượt biển;...

+ **Dân tộc Thái có:** Tiến dặn người yêu; Chàng Lú – nàng Ủa; Khăm Panh;...

+ **Dân tộc Mường có:** Út Lót – Hồ Liêu; Nàng Nga – Hai Mối; Nàng Ờm – chàng Bồng Hương;...

+ **Dân tộc Mông có:** Tiếng hát làm dâu; Nhàng Dợ - Chà Tăng;...

+ **Dân tộc Chăm có:** Hoàng tử Um Rúp và cô gái chăn dê; Têva Murnô;... + **Dân tộc**

Dân tộc Khơ-me có: *Si Thạch; Tum Tiêu;...*

Vòng 3. Chọn người chơi chiến thắng

Câu 6. Với dung lượng tương đối lớn, truyện thơ có thể

A. bao quát được nhiều sự kiện, con người, chi tiết cụ thể, sinh động của đời sống thường nhật.

B. bàn đến những diễn biến lớn trong đời sống cộng đồng

C. mô tả được những trận thiên tai lớn.

D. đi sâu vào được thế giới nội tâm phong phú và bí ẩn của con người.

(Đáp án: A - 2 điểm)

Câu 7. Truyện thơ dân gian khai thác đề tài từ các nguồn

A. những sáng tác cá nhân của một số nhà Nho, nhà sư trung đại.

B. tích truyện kì lạ lưu truyền trong dân gian trên khắp mọi miền đất nước.

C. truyện cổ, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường.

D. những chuyện có thật trên khắp mọi vùng miền được nhân dân tôn thờ, ngưỡng mộ.

(Đáp án: C - 20 điểm – con số may mắn)

Câu 8. Truyện thơ dân gian có thể thể hiện một cách sinh động đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo, bần khổ

A. mang đầy đủ đặc điểm của những tác phẩm tự sự lớn.

B. kế thừa truyền thống của dân ca với sự kết hợp hài hòa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình.

C. mang hơi hướng của những bộ sử thi.

D. mang cảm hứng thế sự sâu sắc.

(Đáp án: B - 6 điểm)

Câu 9. Đặc điểm ngôn ngữ truyện thơ dân gian là:

A. giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống hòa đồng, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây.

B. thuần phác, giản dị, tinh tế, nhẹ nhàng uyển chuyển, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, nhạc điệu.

C. trau chuốt và phóng khoáng, tài hoa uyên bác, có ngôn từ khoa học, có ngôn từ thể thao, có ngôn từ quân sự, có ngôn từ đời thường.

Khơ-me có: *Si Thạch; Tum Tiêu;...*

2. Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình

- **Đặc trưng cơ bản của thơ trữ tình:** thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

- **Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình:**

+ Biểu hiện: có bóng dáng của một câu chuyện, một sự kiện với những đường nét cốt yếu của nó.

+ Tác dụng: làm nền cho tiếng nói trữ tình, chịu sự chi phối của mạch cảm xúc mà tác giả triển khai.

+ Mức độ xuất hiện của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình: các câu chuyện thường chỉ được “kể” ở mức độ vừa đủ để cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ trọn vẹn.

D. hàm súc, mộc mạc, ngắn gọn, dễ hiểu và dễ nhớ, rất ít khi dùng từ trừu tượng, không dùng điển tích xa lạ, khó hiểu, phô trương.

(Đáp án: A - 6 điểm)

Câu 10. Yếu tố tự sự có ý nghĩa như thế nào trong thơ trữ tình?

A. Tăng tính sinh động, hấp dẫn, li kì.

B. Tạo ra một cốt truyện đầy kịch tính.

C. Tăng độ bất ngờ cho yếu tố trữ tình.

D. Làm nền cho tiếng nói trữ tình và luôn chịu sự chi phối của mạch cảm xúc mà tác giả triển khai.

(Đáp án: A - 10 điểm)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu.

- Thực hiện tham gia trò chơi sau 5 phút chuẩn bị.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS tham gia trò chơi, ai có số điểm cao nhất sẽ là người chiến thắng.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chuẩn kiến thức, phát thưởng hoặc cho điểm HS trả lời nhanh và đúng.

2.2. Tìm hiểu chung

a. **Mục tiêu:** Hiểu được xuất xứ, dung lượng, cốt truyện, thể loại, phương thức biểu đạt, vị trí đoạn trích, bố cục đoạn trích.

b. **Nội dung hoạt động:** HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về tác phẩm và đoạn trích.

c. **Sản phẩm:** Phiếu học tập.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm														
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần giới thiệu tác phẩm và đoạn trích trong SGK tr. 106, sau đó hoàn thành phiếu học tập: Tìm hiểu chung	II. Tìm hiểu chung 1. Xuất xứ: <i>Tiến dặn người yêu</i> là truyện thơ thộc loại nổi tiếng và phổ biến nhất của dân tộc Thái sống ở vùng Tây Bắc, Việt Nam. 2. Dung lượng: Gồm 1846 câu thơ là lời của nhân vật trong cuộc kể lại câu chuyện tình yêu, hôn nhân của vợ chồng mình. 3. Cốt truyện: Diễn ra theo 3 chặng: Yêu nhau tha thiết - Chia lìa, đau khổ - Đoàn tụ hạnh phúc. 4. Thể loại: Truyện thơ dân gian.														
<table><tr><td>Xuất xứ</td><td></td></tr><tr><td>Dung lượng</td><td></td></tr><tr><td>Cốt truyện</td><td></td></tr><tr><td>Thể loại</td><td></td></tr><tr><td>Phương thức biểu đạt</td><td></td></tr><tr><td>Vị trí đoạn trích</td><td></td></tr><tr><td>Bố cục đoạn trích</td><td></td></tr></table>	Xuất xứ		Dung lượng		Cốt truyện		Thể loại		Phương thức biểu đạt		Vị trí đoạn trích		Bố cục đoạn trích		
Xuất xứ															
Dung lượng															
Cốt truyện															
Thể loại															
Phương thức biểu đạt															
Vị trí đoạn trích															
Bố cục đoạn trích															

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, trao đổi theo cặp hoàn thành phiếu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 2-3 cặp đôi báo cáo kết quả. - HS còn lại chuyển phiếu nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - Mở rộng thêm (nếu cần).	5. Phương thức biểu đạt: Tự sự và biểu cảm. 6. Vị trí đoạn trích: Đoạn trích miêu tả tâm trạng chàng trai trên đường tiễn cô gái về nhà chồng và phải chứng kiến cảnh cô bị chồng đánh đập. 7. Bố cục đoạn trích: 2 đoạn - Đoạn 1 (từ đầu đến “ta sẽ lấy nhau khi góa bụa về già”): Tâm sự của chàng trai khi chạy theo tiễn cô gái về nhà chồng. - Đoạn 2 (đoạn còn lại): Niềm thương xót của chàng trai khi chứng kiến cảnh cô gái bị nhà chồng hành hạ.
--	--

2.3. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của truyện thơ dân gian trên các phương diện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả,...
- HS nhận biết và phân tích được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ (thể hiện qua văn bản đọc)

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm, tham gia cuộc tranh luận **Trường Teen: Lời tiễn dặn – yếu tố nào tạo nên sức hấp dẫn?** để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chỉ định HS đọc diễn cảm thành tiếng. - GV nhắc HS mấy điều trước khi đọc: + Nắm được bối cảnh diễn ra câu chuyện trong văn bản. + Các nhân vật trong văn bản. + Chủ thể của lời nói trong văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV gọi 1 HS đọc lời dẫn, 2 HS đọc VB, 1 HS đọc cước chú	III. Đọc và tìm hiểu chú thích 1. Đọc văn bản 2. Tìm hiểu chú thích (SGK)

giải thích nghĩa từ khó, kết hợp gọi các HS khác trả lời nhanh các câu hỏi.

- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS đọc văn bản theo yêu cầu.

- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét cách đọc của HS.

- GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip đọc văn bản.

***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản**

GV hướng dẫn HS tham gia cuộc tranh luận Trường Teen: *Lời tiễn dặn – yếu tố nào tạo nên sức hấp dẫn?*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận các vấn đề theo yêu cầu, ghi kết quả vào giấy nhớ hoặc thiết kế slide trình chiếu nếu điều kiện cho phép (khoảng 10 phút), chuẩn bị tham gia tranh luận (mỗi nhóm cử đại diện tranh luận khoảng 5 phút).

Nhóm 1: Nhóm trữ tình

Thảo luận các khía cạnh trữ tình của văn bản theo các gợi ý sau:

- Cảm hứng chủ đạo
- Nhân vật trữ tình
- Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình

Nhóm 2: Nhóm tự sự

Thảo luận khía cạnh tự sự của văn bản theo các gợi ý sau:

IV. Khám phá văn bản

1. Cảm hứng chủ đạo: Là khát vọng mãnh liệt về tình yêu tự do và hạnh phúc lứa đôi qua khúc hát dạt dào cảm xúc thể hiện một tình yêu chân thành, trong sáng, thủy chung, cao đẹp của chàng trai dân tộc Thái đối với cô gái trong cảnh ngộ éo le, đau khổ.

2. Nhân vật trữ tình: Chàng trai trên đường tiễn cô gái anh yêu về nhà chồng và phải chứng kiến cảnh cô bị chồng đánh đập.

3. Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình:

- Chàng trai thấu hiểu cô gái trên đường về nhà chồng:
 - + Anh thấu hiểu cô gái, anh biết rằng cô như muốn níu kéo cho dài ra những giây phút được ở bên anh.
 - + Anh quyến luyến, không nỡ xa rời, tình cảm sâu đậm, mãnh liệt, thiết tha; anh ân cần, chu đáo, vị tha, cao thượng và vẫn nguyện lời thề son sắt, thủy chung với cô.
- Anh xót xa, thương yêu vô hạn khi chứng kiến người mình yêu bị đánh đập, giày vò; anh dành cho cô cử chỉ ân cần, ăm áp, chân tình khiến nỗi đau của cô gái như được xoa dịu bởi sự bao dung, độ lượng.

4. Yếu tố tự sự trong đoạn trích:

- **Bối cảnh của câu chuyện** là những trở ngại ngăn đôi trai gái yêu nhau kết thành vợ chồng, do đó, càng làm bùng cháy ước nguyện gắn bó ở hai người. Cụ thể, trở ngại đó là: Chàng trai sau bao ngày đi xa, trở về xin cưới cô gái thì gặp đúng lúc cô phải bước chân về nhà chồng; chứng kiến cảnh cô gái bị hành hạ nhưng chỉ biết nói lời an ủi, vì cô gái đã thuộc về nhà người ta và chàng không thể làm gì được.

- **Bối cảnh của câu chuyện**
(Qua hai lời tiễn dặn trong đoạn trích, người đọc có thể nắm bắt được điều gì về bối cảnh của câu chuyện?)

- **Lời người kể chuyện** (Lời kể trong đoạn trích là của ai? So với một số tác phẩm viết bằng văn xuôi đã học, lời kể ở đây có điểm gì đặc biệt?)

- **Các nhân vật và diễn biến cốt truyện** (Nêu nhận xét về tâm trạng của cô gái trên đường về nhà chồng và cách thể hiện tâm trạng ấy trong lời tiễn dặn 1; Qua toàn bộ đoạn trích, hình ảnh chàng trai hiện lên với những đặc điểm gì? Bạn thấy xúc động nhất với những biểu hiện nào của nhân vật này?; So sánh nội dung lời thề nguyện thủy chung và cách thể hiện lời thề nguyện ấy trong hai lời tiễn dặn).

Nhóm 3: Nhóm bản sắc

Thảo luận về đặc sắc truyện thơ dân gian và bản sắc dân tộc Thái qua *Lời tiễn dặn* theo các gợi ý:

- Qua tìm hiểu đoạn trích và phần giới thiệu chung về tác phẩm *Tiễn dặn người yêu*, hãy nêu nhận xét về sự khác nhau giữa một bài thơ trữ tình và một truyện thơ.

- Đoạn trích cho biết điều gì về không gian tồn tại và đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào dân tộc Thái – chủ nhân truyện thơ *Tiễn dặn người yêu*?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- **Lời kể trong đoạn trích** là của chàng trai. Như vậy, chàng trai là người tự kể câu chuyện từ ngôi thứ nhất. Nhưng do lời kể được thể hiện bằng hình thức thơ nên tính trữ tình gia tăng, gây ấn tượng đoạn trích mang đặc điểm tương tự một bài thơ trữ tình dài với nội dung chính là thổ lộ cảm xúc của chủ thể.

- Nhân vật:

*** Nhân vật cô gái:**

+ Tâm trạng cô gái trên đường về nhà chồng: đau nhớ, chờ, đợi, ngóng trông → tất cả tâm trí hướng về người yêu, không quan tâm gì đến thực tại đang diễn ra.

+ Cách thể hiện tâm trạng cô gái: vừa trực tiếp gọi tên tâm trạng (đau nhớ, chờ đợi, ngóng trông), vừa miêu tả các cử chỉ ngoại hiện vốn phản ánh sâu sắc những gì đang diễn ra trong cõi lòng: *ngoảnh lại, ngoái trông, ngắt lá ớt ngồi chờ, ngắt lá cà ngồi đợi, tới rừng lá ngón, bẻ lá xanh em ngồi,...* Các cách thể hiện đó phối hợp với nhau, làm nổi bật được tình cảnh bi thiết của cô gái. Những cử chỉ được miêu tả mang đậm tính biểu tượng, có khả năng khắc họa ấn tượng những gì đang thực sự diễn ra trong nội tâm sâu kín của cô gái.

*** Nhân vật chàng trai:**

+ Đặc điểm nhân vật chàng trai: chung tình, nhân hậu, kiên trì (chung tình: không thay lòng đổi dạ với người yêu dù gặp nghịch cảnh; nhân hậu: xót thương người yêu gặp cảnh éo le, khổ cực, sẵn sàng nâng niu, yêu thương con của người yêu; kiên trì: không bỏ cuộc trong việc bảo vệ tình yêu và khẳng định điều đó bằng lời thề thiêng liêng).
+ Những biểu hiện đầy xúc động của chàng trai có thể nhắc tới:

++ luôn nói lời nguyện ước sắt son (“Xin hãy cho anh kẻ vóc mảnh”; “Đôi ta yêu nhau đợi tới tháng Năm lau nở”; “Lòng ta thương nhau trăm lớp nghìn trùng”);

++ thể hiện thái độ ân cần với con người yêu (“Con nhỏ hãy đưa anh ẵm,/ Bé xinh hãy đưa anh bồng”);

++ thể hiện ý muốn vỗ về, chăm sóc người yêu khi người yêu bị hành hạ (“Đầu bù anh chải cho,/ Tóc rối đưa anh búi hộ!”; “Lam ống thuốc này em uống khỏi đau”);

+ Khác với hình ảnh cô gái hiện lên như một đối tượng của lời miêu tả khách quan, hình ảnh chàng trai được

Các nhóm thảo luận theo định hướng, chọn người tham gia tranh luận.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV lựa chọn HS làm MC dẫn dắt chương trình.

- Đại diện HS các nhóm tham gia tranh luận theo sự dẫn dắt của MC, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt vấn đề.

- GV mở rộng, so sánh yếu tố tự sự và trữ tình trong một bài thơ và truyện thơ (**Mục 5. Đặc sắc của thể loại truyện thơ**)

+ Ở bài thơ trữ tình, nội dung chính thường là một trạng thái cảm xúc, suy tư của nhân vật trữ tình, tồn tại như một lát cắt đời sống, còn ở truyện thơ, nội dung chính là một câu chuyện tương đối hoàn chỉnh với các nhân vật và sự kiện có sự diễn tiến trong thời gian, không gian.

+ Ở bài thơ trữ tình, tiếng nói của nhân vật trữ tình giữ vai trò chi phối, vì vậy, gây ấn tượng về sự thuần nhất, trong khi đó, ở truyện thơ có thể có sự đan cài, hoà nhập về tiếng nói giữa người kể chuyện và nhân vật.

- Hướng dẫn HS đánh giá theo bảng kiểm (bên dưới)

người đọc nhận biết qua những lời tự biểu hiện của chính anh (vì anh đồng thời cũng là người kể chuyện).

- Lời thề nguyện – ước nguyện lứa đôi:

+ Ở lời tiên dẫn 1:

++ Nội dung thề nguyện: sẽ vẫn yêu nhau trong mọi thời điểm, tình huống (Đôi ta yêu nhau đợi tới tháng Năm lau nở,... Không lấy được nhau thời trẻ, ta sẽ lấy nhau khi goá bụa về già.”).

++ Cách thể hiện: Liệt kê dồn dập các tiết, các mùa trong năm, làm nổi bật sự bền bỉ, nồng đượm của tình yêu qua năm tháng.

+ Ở lời tiên dẫn 2:

++ Nội dung thề nguyện: sẽ quyết chống lại mọi tác động ngược chiều để bảo vệ tình yêu (“Chết thành sông, vực nước uống mát lòng,/ Chết thành đất, mọc dây trầu xanh thắm,... Ta yêu nhau tàn đời gió, không rung không chuyển,/ Người xiêm xui không ngoảnh, không nghe”).

++ Cách thể hiện: Liên tục nêu các tình huống giả định mang tính thử thách đặc biệt để tô đậm sự kiên định trong tình yêu, trong đó, cái chết luôn được nhắc đến như một thử thách cao nhất. Bên cạnh đó, thủ pháp so sánh cũng được chú ý sử dụng: “Bền chắc như vàng, như đá!” / “Yêu nhau, yêu trọn đời gỗ cứng”;...

5. Đặc sắc của thể loại truyện thơ: Sự kết hòa yếu tố tự sự và trữ tình.

- Yếu tố tự sự: nội dung chính là một câu chuyện tương đối hoàn chỉnh với các nhân vật và sự kiện có sự diễn tiến trong thời gian, không gian.

- Yếu tố trữ tình: không thuần nhất như trong bài thơ mà có thể có sự đan cài, hoà nhập về tiếng nói giữa người kể chuyện và nhân vật.

6. Bản sắc tâm hồn người Thái qua đoạn trích

- Không gian tự nhiên nơi đồng bào dân tộc Thái cư trú là miền núi, nơi có rừng cây, có suối nước khi vui khi đầy, có chim tăng ló hót, có hoa lau nở vào tháng Năm...

- Đồng bào dân tộc Thái có những phong tục riêng về hôn nhân, tang lễ, sinh hoạt (ở rể, hoá táng, dệt vải, nấu cơm lam,...).

- Đồng bào dân tộc Thái có đời sống tâm linh phong phú, thực hiện những nguyên tắc ứng xử đầy nhân ái, nhân văn

	(cho rằng có sự cảm ứng giữa con người với thiên nhiên, tin vào sự hoá thân sau khi chết,...).
--	--

Bảng kiểm đánh giá

Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
Cấu trúc bài thuyết trình	Bài thuyết trình được sắp xếp logic, rõ ràng, dễ theo dõi. Thiết kế, trình bày bài thuyết trình sinh động và thu hút người nghe (sử dụng công cụ trực quan, công nghệ khi thiết kế powerpoint).		
	Không có lỗi chính tả, ngữ pháp và quá nhiều chữ trong slide thuyết trình.		
Nội dung thuyết trình	Định hướng chính xác nội dung tranh luận.		
	Có nhiều ý kiến đánh giá chuẩn xác, sâu sắc, thuyết phục.		
Kỹ năng thuyết trình	Phong thái tự tin, chuyên nghiệp, nhiệt huyết trình bày nội dung đề tài.		
	Thuyết trình một cách suôn sẻ, mạch lạc, luôn tương tác với người nghe.		
	Sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ hình thể và âm lượng phù hợp.		
	Trình bày bài thuyết trình theo đúng thời gian quy định.		

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: HS nắm được những yêu cầu cần thiết khi đọc hiểu truyện thơ.

b. Nội dung:

- GV gọi lại những yếu tố đặc sắc của bài học, sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, chia sẻ kinh nghiệm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV gọi lại những yếu tố đặc sắc của bài học (một số đoạn hay, yếu tố tự sự kết hợp trữ tình)	V. Tổng kết Yêu cầu cần thiết khi đọc truyện thơ dân gian: - Nắm chắc vẻ đẹp độc đáo của truyện thơ: thuộc loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân

- GV: Để đọc hiểu truyện thơ, theo em, cần nắm được những yêu cầu cần thiết nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	vật, lời kể,... nhưng lại được thể hiện dưới hình thức thơ. - Đọc truyện thơ, cần hiểu các yếu tố: + Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình. + Yếu tố tự sự với cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,... (nhưng nó chỉ làm nền cho tiếng nói trữ tình và chịu sự chi phối của mạch cảm xúc trong tác phẩm). + Ngôn ngữ trong truyện thơ dân gian giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống hòa đồng, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây,... - Qua văn bản, hiểu được bản sắc tinh thần của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam.
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một đoạn thơ trong văn bản *Lời tiễn dặn* đã đề lại cho bạn những ấn tượng thực sự sâu sắc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV có thể dành thời gian (khoảng 5 – 7 phút) cuối tiết học cho HS viết tại lớp. Lưu ý HS về dung lượng, cách tổ chức đoạn văn; chuẩn mực ngữ pháp và việc diễn đạt của các câu; liên kết câu trong đoạn.

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép)

https://docs.google.com/forms/d/14tWn_BJqLCVVSPYEGoPKqH7Ec8yVHkB5YhgDAUs5To/edit

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo gợi ý.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.

- GV thu các bài viết làm hồ sơ phục vụ cho việc đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Gợi ý:

Đoạn 1: Hành động, tâm trạng của cô gái trên đường về nhà chồng

- Vừa đi vừa ngóảnh lại, vừa đi vừa ngóng trông.

- > Dùng dằng, chùng chình, nấn ná, không muốn rời xa người mình yêu.
- Cô gái cũng muốn níu kéo cho dài ra những giây phút được ở bên người yêu: đầu “ngoảnh lại”, mắt “ngoái trông”, chân bước càng xa thì lòng càng đau. Mỗi lần đi qua một cánh rừng cô gái đều coi là cái cớ để dừng lại chờ người yêu, lòng đầy khắc khoải. Hình tượng: Lá ốt, lá cà, lá ngón tượng trưng cho những điều không may mắn.
- > Con đường về nhà chồng trở thành con đường khắc khoải, ngóng trông tình xưa, người cũ.
- => Tâm trạng của cô gái mâu thuẫn, đắng cay, đau khổ đến tuyệt vọng.
- Cách mô tả đó chứng tỏ chàng trai rất thấu hiểu tình cảm của cô gái. Hai người có chung một cảm nhận khi phải xa nhau: bịn rịn, quyến luyến, đau khổ khi phải chia lìa.
- Chàng trai tin tưởng, khẳng định tình yêu của hai người sẽ vượt qua cả không gian và thời gian để đoàn tụ bên nhau,...

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Từ những rung cảm trong bài, HS sáng tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực
- Từ trải nghiệm cá nhân thể hiện sự đồng cảm với những người phụ nữ xưa

b. Nội dung: HS thực hiện các bài tập vận dụng theo năng lực.

c. Sản phẩm: Sản phẩm sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

1. Từ đoạn trích "Lời tiễn dặn", em hãy tạo nên những sản phẩm nghệ thuật phù hợp với năng lực.

Gợi ý:

- HS tùy theo năng lực viết văn, sáng tác thơ, vẽ, diễn kịch,...

2. Từ đoạn trích "Lời tiễn dặn", em hãy nêu một số hủ tục hôn nhân đáng sợ trong xã hội xưa?

Gợi ý:

- Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng.
- Hôn nhân do cha mẹ sắp đặt, tiêu chuẩn là sự môn đăng hộ đối.
- Nữ thập tam, nam thập lục (tảo hôn),...

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS làm việc cá nhân hoặc nhóm hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo (sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, góp ý hình thành những cảm quan thẩm mỹ tích cực cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các truyện thơ dân gian của các dân tộc có cùng chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Dương phụ hành* – Cao Bá Quát (tìm hiểu tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 37,38

VĂN BẢN 2: DƯƠNG PHỤ HÀNH
(Bài hành về người thiếu phụ phương Tây)
Cao Bá Quát

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết được các yếu tố tự sự và vai trò của chúng trong bài thơ.

- Phân tích được hình tượng người thiếu phụ phương Tây và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

- Hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

2. Phẩm chất: Biết tôn trọng sự khác biệt; biết trân trọng tình yêu, tình cảm gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi “Đi tìm ẩn số sau tranh vẽ”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:





Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi: “Đi tìm ẩn số sau tranh vẽ”. - HS xem tranh tìm tên tác phẩm (tên tác phẩm ẩn sau bức tranh) - HS trả lời một số câu hỏi: Những tác phẩm vừa tìm được nói về ai? Anh/Chị có nhận ra sự khác biệt giữa những người phụ nữ phương Đông và phương Tây không? Hãy nêu cảm nhận của mình về điều đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận theo bàn thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động. - HS đại diện xung phong trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, cho điểm hoặc phát thưởng cho HS trả lời đúng và nhanh. ➔GV dẫn vào bài: Nếu được đến một xứ sở khác, được tiếp xúc với một nền văn hóa khác, cảm xúc của chúng ta sẽ như thế nào? Đặc biệt khi chứng kiến sự khác biệt giữa những người phụ	1. Tên tác phẩm sau 7 bức tranh (theo thứ tự): - Truyện <i>Tám Cám</i> - <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> (Nguyễn Dữ) - <i>Tự tình</i> (Hồ Xuân Hương) - <i>Thương vợ</i> (Tú Xương) - <i>Trong lòng mẹ</i> (Nguyên Hồng) - <i>Anna Karenina</i> (Lev Nikolayevich Tolstoy) - <i>Dương phụ hành</i> (Cao Bá Quát) => Đề tài chung: Người phụ nữ 2. HS thể hiện quan điểm cá nhân khi nhìn nhận sự khác biệt giữa những người phụ nữ

nữ phương Đông và phương Tây. Hãy đi tìm ẩn số trong bài học hôm nay.

phương Đông và phương Tây

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, vị trí văn học, sự đóng góp; hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, quan sát video để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu một số thông tin bằng hình ảnh và con chữ: Gợi ý:  Chu Thần, Gia Lâm, thông minh, chăm chỉ và văn hay chữ tốt, lận đận, phong phú về đề tài, nhân văn, dân chủ, xuất dương, thể hành,... - HS dựa trên gợi ý hoàn thành bài thuyết trình ngắn gọn về tác giả Cao Bá Quát và tác phẩm <i>Dương phụ hành</i>. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi cặp đôi chuẩn bị thuyết trình. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trình bày nội dung thảo luận. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - GV gọi HS thể hiện thêm những hiểu biết về giai thoại Cao Bá Quát (Thánh Quát, nguyên nhân luyện chữ, luyện chữ như thế nào, câu nói nổi tiếng, chữa bài thi của học trò,...)	I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm (SGK tr.108,109) 1. Tác giả - Cao Bá Quát (1808 – 1855), tự Chu Thần, hiệu Mẫn Hiên, lại có hiệu Cúc Đường, quê ở làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh; nay thuộc xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội. - Thuở nhỏ, Cao Bá Quát sống trong cảnh nghèo khó, nhưng nổi tiếng là trẻ thông minh, chăm chỉ và văn hay chữ tốt. Nổi tiếng học rộng, tài cao, đỗ cử nhân sớm nhưng lận đận trên con đường làm quan. - Thơ văn Cao Bá Quát rất phong phú về đề tài, thể hiện tình cảm thiết tha gắn bó với gia đình, quê hương; đồng cảm với những thân phận cùng khổ. Ông mang đến cái nhìn nhân văn, tinh thần dân chủ của một nghệ sĩ có tâm hồn rộng mở, phóng khoáng, sẵn sàng đón nhận và trân trọng những nét đẹp mới mẻ, xa lạ với truyền thống. 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác: <i>Dương phụ hành</i> được Cao Bá Quát sáng tác trong chuyến xuất dương hiệu lực năm 1844. b. Thể loại: <i>Dương phụ hành</i> thuộc thể loại hành (một thể thơ của thơ cổ phong).

	c. Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp biểu cảm. d. Bố cục: gồm 2 phần. - Phần 1: Hình tượng người thiếu phụ phương Tây. - Phần 2: Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.
--	--

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được các yếu tố tự sự và vai trò của chúng trong bài thơ.
- HS phân tích được hình tượng người thiếu phụ phương Tây và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.
- HS hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Đọc, tìm hiểu chú thích và so sánh bản dịch thơ với nguyên tác Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chỉ định 3 HS đọc diễn cảm thành tiếng (1 HS đọc phiên âm, 1 HS đọc dịch nghĩa và 1 HS đọc dịch thơ). - GV yêu cầu HS chú ý những chú thích và nội dung các thẻ chỉ dẫn. - GV yêu cầu HS so sánh và chỉ ra những chỗ khác biệt giữa bản dịch thơ với nguyên tác. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi, so sánh và chỉ ra những chỗ khác biệt giữa bản dịch thơ với nguyên tác. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận	II. Đọc, tìm hiểu chú thích và so sánh bản dịch thơ với nguyên tác 1. Đọc văn bản 2. Tìm hiểu chú thích (SGK) 3. So sánh bản dịch thơ với nguyên tác - Ở câu 1, “y như tuyết”: (áo trắng như tuyết) - hình ảnh so sánh được dịch là “áo trắng phau” chỉ gợi màu sắc, không làm toát lên được ngầm ý nói về vẻ đẹp thanh khiết, chưa thể hiện được cái nhìn đầy thiện cảm của nhân vật trữ tình với đối tượng quan sát. - Ở câu 7, từ “phiên thân” (ngiên mình) được dịch là “uốn éo”; cách dịch này tuy chuyển tải được nét nghĩa miêu tả hình dáng, tư thế nhưng lại chưa thật phù hợp với sắc thái biểu cảm của từ trong nguyên tác vốn chỉ về nũng nịu, duyên dáng của người thiếu phụ.

- Sau khi HS đọc, GV cần nhận xét về cách đọc và chú ý những điểm cần khắc sâu khi đọc văn bản.

- GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu một clip đọc.

***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể:

Nhóm 1,2: Vẽ đẹp trữ tình của bài hành

HS thảo luận dựa trên các gợi ý:

*** Tâm trạng của nhân vật trữ tình:**

- Hình tượng người thiếu phụ phương Tây trong bài thơ được tái hiện qua cái nhìn của một nhà Nho đồng thời cũng là một nhà thơ phương Đông. Hãy phân tích những cảm xúc, thái độ được tác giả bộc lộ từ các điểm nhìn đó. (**gợi ý:** Hãy chỉ ra những nét khác biệt, thậm chí tương phản giữa hình ảnh người thiếu phụ phương Tây trong bài thơ với hình ảnh người phụ nữ phương Đông theo quan niệm Nho giáo. Nhà Nho Cao Bá Quát có thể hiện thái độ kì thị hay phê phán khi miêu tả người thiếu phụ phương Tây không? Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện rõ nhất thái độ của tác giả từ điểm nhìn này? Hình tượng người thiếu phụ phương Tây hiện lên với những vẻ đẹp nào? Em hình dung như thế nào về hình ảnh người chồng được tác giả gợi lên trong bài thơ? Qua cách miêu tả của nhà thơ, em cảm nhận được điều gì về cuộc sống gia đình của họ?)

- Phân tích tâm trạng nhân vật trữ tình trong câu thơ kết và những ý tứ được mở ra từ câu thơ này.

* **Cảm hứng chủ đạo:** Đọc bài thơ, em cảm nhận được những gì về tư tưởng, tâm hồn tác giả? Em có biết một vài bài thơ viết về đề tài tình yêu, tình cảm gia đình của Cao Bá Quát?

Nhóm 3,4: Vẽ đẹp của các yếu tố tự sự

HS thảo luận dựa trên các gợi ý:

III. Khám phá văn bản

1. Vẽ đẹp trữ tình của bài hành

a. Tâm trạng của nhân vật trữ tình - mạch cảm xúc của bài thơ

- Cảm xúc, thái độ của tác giả được thể hiện qua cái nhìn của một nhà Nho đồng thời cũng là một nhà thơ phương Đông:

+ Quan niệm của Nho giáo về vị trí của người phụ nữ trong gia đình, trong mối quan hệ với người chồng: có nghĩa vụ “nâng khăn sửa túi”, chăm sóc, chiều chuộng chồng; cư xử với chồng một cách khiêm nhường, lễ phép (Hình mẫu lí tưởng của người vợ hiền đức là nàng Mạnh Quang “cử án tề mi” – mỗi lúc dâng cơm cho chồng đều nâng lên ngang mày để tỏ lòng kính trọng).

+ Thái độ của Cao Bá Quát khi quan sát, chứng kiến những điều mới mẻ, xa lạ: ngạc nhiên, ngỡ ngàng mà không hề kì thị, không có ý phủ định. Trái lại, cách miêu tả thể hiện cái nhìn khách quan, tinh thần cởi mở, sự tôn trọng khác hẳn cách nhìn thường thấy ở một nhà Nho.

- Từ điểm nhìn của một nhà thơ, ông đồng cảm, trân trọng vẻ đẹp của con người, cuộc sống, dù những vẻ đẹp ấy khác biệt, thậm chí rất xa lạ với nền văn hoá của dân tộc mình.

=> **Tâm trạng của nhân vật trữ tình: đồng cảm và trân trọng hạnh phúc của vợ chồng người thiếu phụ phương Tây; bày tỏ nỗi nhớ thương và niềm khát khao hạnh phúc gia đình.**

- Mạch cảm xúc của bài thơ không đóng lại ở câu kết. Trái lại, lời “trách” của “người Nam đang trong cảnh biệt li” khiến mạch cảm xúc ấy được tiếp nối, mở rộng hơn.

* **Bối cảnh câu chuyện:** Xác định thời gian, không gian, sự việc của câu chuyện được kể trong bài thơ.

* **Nhân vật người thiếu phụ phương Tây:**

Chỉ ra những chi tiết miêu tả người thiếu phụ phương Tây, qua đó, nêu các đặc điểm nổi bật của hình tượng này.

- Đại diện các nhóm lên tham gia tọa đàm: **Vẻ đẹp của bài *Dương phụ hành***

- GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ và chọn cử đại diện tham gia tọa đàm.

- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS các nhóm tham gia tọa đàm để thể hiện ý kiến đã thảo luận.

- HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi phản biện,...

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV chốt kiến thức. Có thể mở rộng thêm một số nội dung sau:

1. Cảm hứng chủ đạo của bài hành: Cảm hứng này xuất hiện trong nhiều bài thơ khác của ông. Ví dụ như:

Ví dụ:

+ Bài thơ *Đề Sát viện Bùi công Yên Đài anh ngữ khúc hậu* (Đề sau khúc Yên Đài anh ngữ của quan Đô sát họ Bùi) thể hiện những quan niệm mới mẻ, tiến bộ, sâu sắc về cuộc sống và văn chương của Cao Bá Quát:

Tân Gia từ vượt con tàu

Mới hay vũ trụ một màu bao la.

Giật mình khi ở xó nhà,

Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi.

Không đi khắp bốn phương trời,

Vùi đầu án sách uống đời làm trai...

(Trúc Khê dịch, theo *Thơ chữ Hán Cao Bá Quát*, NXB Tân dân, Hà Nội, 1940, in trong

Bồi lễ, đây là khoảnh khắc nhân vật trữ tình trực tiếp “xuất hiện” để bày tỏ cảm xúc, thái độ trước “những điều trông thấy” và gửi gắm nỗi niềm tâm sự. Cảnh biệt li của “người Nam” càng làm nổi bật thêm cảnh vợ chồng “người ta” sum vầy, quăn quýt, yêu thương, chiều chuộng nhau. Cái hồn nhiên, vô tình của người thiếu phụ đang yêu và được yêu càng khơi thêm mối sầu li biệt, nỗi nhớ thương da diết, khát vọng đoàn tụ trong lòng “người thơ” Cao Bá Quát.

b. Cảm hứng chủ đạo của bài hành: tư tưởng nhân đạo, tâm hồn phóng khoáng, lãng mạn, sâu sắc của nhà thơ

- Đây chính là đặc điểm cơ bản của thơ văn Cao Bá Quát, cảm hứng này được thể hiện ở nhiều tác phẩm khác của ông.

2. Yếu tố tự sự trong bài hành

a. Bối cảnh câu chuyện

- **Thời gian, không gian:** đêm trăng trên biển, con tàu có người thiếu phụ phương Tây và con thuyền của “người Nam trong cảnh biệt li”.

- **Các yếu tố tự sự trong bài thơ:** người thiếu phụ tựa vai chồng trong đêm trăng; thấy thuyền Nam có ánh đèn, kéo áo nói với chồng; cốc sữa (trong bản phiên âm là chữ “hồ”, có thể là sữa hoặc một đồ uống khác) cầm trên tay một cách hững hờ; gió lạnh không chịu nổi, nghiêng mình đòi chồng đỡ dậy,...

b. Nhân vật người thiếu phụ phương Tây

- **Chi tiết miêu tả người thiếu phụ phương Tây:** trang phục, tư thế, cử chỉ, điệu bộ, phong thái,...

- **Đặc điểm nổi bật của hình tượng người thiếu phụ phương Tây:**

+ Về ngoài sang trọng, trẻ trung, duyên dáng: màu áo trắng thanh khiết nổi bật trên

<i>Văn bản tác phẩm Hán Nôm trong nhà trường</i>, Hà Minh (Chủ biên), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2018, tr. 224) + Bài thơ <i>Tự quân chi xuất hĩ</i> (Tự thuở chàng ra đi) thể hiện một cách chân thành, tinh tế, cảm động tình yêu, khát vọng hạnh phúc lứa đôi: <i>Từ ngày anh ra đi, Đêm đêm giường quạnh hiu. Trăng khời soi mộng lẻ, Gió bến lạnh hơi chiều. Áo rét em cất giữ, Gương nhỏ anh mang theo. Tạm để cùng yên ủi, Không lạt tình thương yêu.</i> (Hoá Dân dịch, theo <i>Thơ chữ Hán Cao Bá Quát</i>, NXB Văn học, Hà Nội, 1970, in trong <i>Văn bản tác phẩm Hán Nôm trong nhà trường</i>, Hà Minh (Chủ biên), Sđd, tr. 229) - GV đánh giá phần trình bày của HS theo bảng kiểm bên dưới.	nền khung cảnh đêm trăng; cử chỉ, điệu bộ (tựa vai chồng, kéo áo chồng, nghiêng mình đòi chồng đỡ dậy) rất tự nhiên, chủ động và yêu kiều. + Nếp sinh hoạt biểu thị cuộc sống sung túc và đầm ấm, hạnh phúc: cầm cốc sữa một cách hững hờ; thể hiện tình yêu chồng và hạnh phúc của người phụ nữ được chồng yêu thương, chiều chuộng bằng những cử chỉ, điệu bộ thân mật, nũng nịu.
--	---

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện nội dung sơ sài, nghèo nàn.		
2	Thể hiện được đúng đủ nội dung.		
3	Thể hiện được sâu sắc nội dung.		
4	Thuyết trình đơn điệu, kém hấp dẫn.		
5	Thuyết trình sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.		
6	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn.		

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Từ việc đọc bài <i>Dương phụ hành</i>, bạn rút ra được bài học gì trong việc đọc một tác phẩm thơ thuộc thể hành? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức bằng sơ đồ, tổng kết bài đọc.	IV. Tổng kết Lưu ý khi đọc một tác phẩm thơ thuộc thể hành: - Nắm chắc đặc điểm độc đáo của thể hành: không hạn định về số câu, chỉ cần có vần, không cần đối, niêm, luật bằng trắc như thơ Đường luật. Do không bị gò bó bởi niêm, luật nên thể thơ cổ phong này thường được sử dụng khi tác giả có nhu cầu kể, bày tỏ cảm xúc, suy ngẫm về một sự việc gây ấn tượng. Vì vậy, bài thơ viết theo thể hành thường có yếu tố tự sự. - Khi đọc, cần hiểu được các yếu tố: + Về đẹp trữ tình của tác phẩm (cảm hứng chủ đạo, nhân vật trữ tình, mạch cảm xúc,...) + Các yếu tố tự sự của bài thơ: Câu chuyện (với bối cảnh, nhân vật, diễn biến, điểm nhìn,...)
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: HS thực hiện trò chơi “**Hành trình tri thức**”

GV chọn MC dẫn dắt chương trình, người chơi là HS trong cả lớp, hành trình tri thức là 16 câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Tác giả bài thơ *Dương phụ hành* là ai?

A. Nguyễn Khuyến

B. Cao Bá Quát

C. Nguyễn Trãi

D. Nguyễn Công Trứ

Câu 2. Cao Bá Quát quê ở đâu?

A. Gia Lâm – Hà Nội

B. Thừa Thiên Huế

C. Bình Lục – Hà Nam

D. Chí Linh – Hải Dương

Câu 3. Không gian được tác giả nói đến trong bài *Dương phụ hành* là:

A. Không gian rộng lớn mênh mông

B. Không gian chật hẹp.

C. Trên chiếc thuyền nhỏ.

D. Trên một tửu lầu.

Câu 4. Nội dung thơ văn của Cao Bá Quát là:

A. Tiếng nói phê phán đã kích chế độ sâu cay.

B. Trữ tình sâu sắc.

C. Thể hiện tình cảm tha thiết gắn bó với gia đình, quê hương, đồng cảm với những thân phận cùng khổ.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 5. Bài thơ *Dương phụ hành* được viết theo thể nào?

A. Thể hành

B. Thể hát nói

C. Thể thất ngôn

D. Thể lục bát

Câu 6. Hoàn cảnh sáng tác của bài *Dương phụ hành*:

A. Năm 1852 khi ông đang nhận chức Giáo thụ phủ Quốc Oai.

B. Sáng tác trong chuyến xuất dương hiệu lực năm 1844.

C. Sáng tác năm 1831 khi ông vừa đỗ cử nhân.

D. Sáng tác năm 1831 khi ông đi sứ sang Trung Quốc.

Câu 7. Các sáng tác của Cao Bá Quát bao gồm:

A. Cả chữ Hán và chữ Nôm

B. Chữ Nôm

C. Chữ quốc ngữ

D. Chữ Hán

Câu 8. Giá trị nội dung của bài thơ *Dương phụ hành* là gì?

A. Nỗi niềm của nhân vật trữ tình nơi đất khách.

B. Thể hiện sự cô đơn hiu quạnh của nhân vật trữ tình khi một mình đang đi công cán.

C. Thể hiện cái nhìn đổi mới của nhà thơ về hình ảnh thiếu phụ phương Tây.

D. Cả B và C đều đúng.

Câu 9. Thời gian được tác giả nhắc đến trong bài thơ *Dương phụ hành* là:

A. Ban ngày

B. Buổi trưa

C. Ban đêm

D. Buổi chiều

Câu 10. Dòng nào sau đây nói không đúng về Cao Bá Quát:

A. Sinh năm 1808 mất 1855, nổi tiếng là người học rộng tài cao.

B. Ông đỗ cử nhân sớm nhưng lận đận trên con đường làm quan.

C. Vì vi phạm quy định nghiêm ngặt của việc chấm bài mà bị khép tội chết sau đó được giảm án cho theo phục dịch phái bộ đi công cán một số nước vùng Hạ Châu để chuộc tội.

D. Ông làm quan lớn có cuộc sống vô cùng vinh hoa sung túc.

Câu 11. Hình ảnh người thiếu phụ phương Tây hiện lên mang dáng vẻ gì?

A. Người phụ nữ yếu đuối mỏng manh.

B. Người phụ nữ can trường mạnh bạo.

C. Người phụ nữ nhỏ bé, đáng yêu.

D. Người phụ nữ mỏng manh đang đắm chìm trong tình yêu đôi lứa

Câu 12. Câu thơ cuối ‘Biết đâu nổi khách biệt ly này’ thể hiện điều gì?

A. Sự cô đơn trống vắng của nhân vật trữ tình khi ở xứ người

B. Sự buồn tủi, u uất của lũ khách.

C. Sự đau đớn tủi nhục của người tha phương.

D. Sự xót xa, ân hận vì chưa đem lại được hạnh phúc cho gia đình.

Câu 13. Những chi tiết nào sau đây miêu tả người thiếu phụ phương Tây?

A. Áo như tuyết, tựa vai chồng dưới bóng trăng.

B. Kéo áo chồng thì thầm nói.

C. Tay cầm uể oải một chén sữa, nghiêng mình đòi chồng đỡ dậy.

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 14. Hình ảnh người thiếu phụ phương Tây gợi cho tác giả liên tưởng đến ai?

A. Người yêu của mình.

B. Nhớ về những người phụ nữ trong gia đình mình.

C. Những người phụ nữ Phương Đông chưa bao giờ được chồng chiều chuộng, đỡ đàn.

D. Những đóa sen thơm ngát.

Câu 15. Hình tượng người thiếu phụ phương Tây trong bài thơ được tái hiện như thế nào?

A. Dưới cái nhìn của người đàn ông thấu hiểu phụ nữ

B. Dưới cái nhìn của một nhà Nho đồng thời cũng là một nhà thơ phương Đông.

C. Dưới cái nhìn của người chồng dành cho người vợ của mình.

D. Dưới cái nhìn của người con đối với mẹ.

Câu 16. Câu kết của bài thơ thể hiện có gì đặc biệt?

A. Lời bộc lộ chân thành về tình cảm của tác giả dành cho người thiếu phụ Phương Tây.

B. Lời than của tác giả về nỗi nhớ xa quê, xa gia đình.

C. Lời giải bày tâm tư, tình cảm về người thương của tác giả.

D. Lời cảm thán trước thiên nhiên tuyệt đẹp.

Nhiệm vụ 2: Kết nối đọc – viết (hoàn thành ở nhà)

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày điều bạn thấy tâm đắc nhất ở bài *Dương phụ hành*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện trò chơi trả lời các câu hỏi trắc nghiệm theo sự dẫn dắt của MC.

- GV gợi ý để HS có thể lựa chọn được điều mình tâm đắc nhất khi đọc văn bản *Dương phụ hành*:

+ Về nội dung (một nét đẹp của hình tượng người thiếu phụ phương Tây hoặc của nhân vật trữ tình);

+ Về nghệ thuật (kết cấu của bài thơ, bối cảnh thời gian, không gian, nghệ thuật trữ tình, giọng điệu,...)

- Qua việc phân tích vấn đề mình tâm đắc trong văn bản, HS làm sáng tỏ suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép)

https://docs.google.com/forms/d/1m_9Eu5axH435zgt04_gCghNxV2kx5CjPtxVFiTpgyVE/edit?pli=1

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh hoàn thành trò chơi “**Hành trình tri thức**” tại lớp.
- HS viết đoạn văn ở nhà theo gợi ý của GV và gửi sản phẩm vào nhóm lớp.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, phát thưởng hoặc cho điểm HS có nhiều câu trả lời trắc nghiệm đúng.
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết đoạn văn theo Rubric (ở nhà).

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	1.0
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	0.0
Nội dung	Lựa chọn được một phương diện nổi bật của văn bản. Đánh giá được phương diện đó.	
	Lựa chọn được một phương diện có ý nghĩa nhân văn trong văn bản.	2.0
	Đưa ra được những đánh giá xác đáng, hợp lí.	3.0
	So sánh với những văn bản khác cùng nội dung đã chọn để thấy vẻ đẹp riêng.	2.0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	1.0
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn.
- b. Nội dung:** HS vận dụng hiểu biết về đời sống, biết đồng cảm với số phận con người, nhất là người phụ nữ.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS phác họa chân dung người phụ nữ hiện đại (thơ ca, nhạc, họa, diễn xuất,...)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi (vào tiết học sau).
- HS khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung hoặc phản biện (nếu cần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.

- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 3. *Thuyền và biển* – Xuân Quỳnh (tìm hiểu tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 39

VĂN BẢN 3: THUYỀN VÀ BIỂN Xuân Quỳnh

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại.

2. Phẩm chất: HS đồng cảm với khát vọng tình yêu của nhân vật trữ tình, có thái độ ứng xử nghiêm túc với tình yêu, vun đắp cho tình yêu trở thành một trong những tình cảm đẹp đẽ nhất mà con người có được.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2, giấy nhớ, thẻ nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động:

HS huy động tri thức, kinh nghiệm tham gia trò chơi “Điều bức tranh muốn nói?”

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:



Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi “Điều bức tranh muốn nói?” <u>Yêu cầu:</u> HS được ngắm tranh trong 1 phút, HS có 1 phút để suy nghĩ về điều bức tranh muốn nói. - GV có thể phát phiếu cho HS chọn người trả lời hay nhất của cuộc thi (cũng là căn cứ tham khảo để GV đánh giá ở bước 4). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động. - HS xung phong trả lời. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, chọn ra người chiến thắng là HS thể hiện được điều bức tranh muốn nói hay nhất để trao phần thưởng hoặc cho điểm. - GV dẫn vào bài: <i>Bạn đã biết những so sánh thú vị nào về tình yêu và về sự gắn bó giữa những người yêu nhau? Bạn cũng đã từng nghe ca khúc nào phổ thơ của nữ sĩ Xuân Quỳnh về điều</i>	- Bức tranh thuyền và biển, gọi cô đơn, gọi tình yêu, gọi sự bí ẩn của vũ trụ,... - HS tùy ý thể hiện suy nghĩ của bản thân (có thể bằng đọc tác phẩm thơ, truyện, sự kiện lịch sử,... có liên quan từ bức tranh).

này? Hôm nay chúng ta hãy đến với “Thuyền và biển” để cùng nhau thưởng thức nhé!

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; thể loại, xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục,...

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi “**Lật mảnh ghép**”.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên hướng dẫn cho HS tham gia trò chơi “Lật mảnh ghép” dựa vào tri thức SGK và việc chuẩn bị ở nhà. - GV giấu hình ảnh Xuân Quỳnh phía sau 6 ô chữ. - HS trả lời đúng các ô chữ, hình ảnh Xuân Quỳnh sẽ dần hiện ra: 1. Cuộc đời Xuân Quỳnh có điểm gì đặc biệt? 2. Thơ Xuân Quỳnh mang đặc điểm độc đáo gì? 3. Vị trí của Xuân Quỳnh mà em được biết. 4. Một tập thơ của Xuân Quỳnh mà em ấn tượng. 5. Đọc một đoạn thơ Xuân Quỳnh mà em yêu thích. 6. Em biết gì về bài thơ <i>Thuyền và biển</i>? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ.	I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích 1. Tác giả - Xuân Quỳnh (1942 - 1988) tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh. - Quê quán: La Khê, thành phố Hà Đông - Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). - Xuất thân trong một gia đình công chức, mẹ mất sớm, bố thường xuyên công tác xa gia đình, bà được bà nội nuôi dạy từ nhỏ đến khi trưởng thành. - Thơ Xuân Quỳnh giàu yếu tố tự thuật. Bên cạnh việc bộc lộ niềm khát khao được yêu thương, chia sẻ và ý thức chất chiu, gìn giữ hạnh phúc đang có, thơ bà còn chứa đựng những dự cảm đầy lo âu về cái mong manh của đời sống, của tình yêu. - Xuân Quỳnh được nhìn nhận là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ Việt Nam hiện đại nửa sau thế kỉ XX. - Tác phẩm chính: <i>Hoa dọc chiến hào</i> (1968); <i>Gió Lào cát trắng</i> (1974); <i>Lời ru trên mặt đất</i> (1978), <i>Sân ga chiều em đi</i> (1984), <i>Tự hát</i> (1984); <i>Hoa cỏ may</i> (1989),... 2. Tác phẩm a. Thể loại: thể thơ năm chữ. b. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác vào tháng 4 năm 1963 và được in trong tập thơ <i>Chồi biếc</i> (1963). Sau này, bài thơ đã được nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, Hữu Xuân phổ nhạc thành các bài hát cùng tên. c. Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp biểu cảm. d. Bố cục bài thơ: - Phần 1: 3 khổ đầu: tình yêu vừa mới chớm - Phần 2: 2 khổ thơ tiếp: khi cả hai đã yêu nhau - Phần 3: 2 khổ thơ tiếp: khi tình yêu đã trở nên sâu đậm

- GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời, HS khác nghe, quan sát, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức	- Phần 4: khổ cuối: nếu cuộc tình phải chia xa
---	--

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại.
- HS đồng cảm với khát vọng tình yêu của nhân vật trữ tình, có thái độ ứng xử nghiêm túc với tình yêu, vun đắp cho tình yêu trở thành một trong những tình cảm đẹp đẽ nhất mà con người có được.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc văn bản. - GV yêu cầu một số HS đọc văn bản (đọc thành tiếng trước lớp), nhắc các em chú ý những chỉ dẫn về chiến lược đọc trong các thẻ đặt bên phải văn bản, đặc biệt cần quan tâm đến cách chia khổ bất thường ở phần đầu và phần cuối bài thơ để từ đó xác định được phương án ngắt giọng, ngừng giọng phù hợp, làm nổi bật được kiểu kết cấu lồng ghép một câu chuyện vào mạch trữ tình. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thầm VB, GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc thành tiếng văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét cách đọc của HS.	II. Đọc văn bản

- GV đọc mẫu hoặc có thể giới thiệu clip đọc văn bản.

***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 3 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể:

Nhóm 1: Tìm hiểu mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình

HS thảo luận dựa trên các gợi ý:

- **Xác định nhân vật trữ tình của bài thơ:** Bài thơ có nhắc đến những “nhân vật” nào? Các nhân vật ấy có xuất hiện trên cùng một bình diện hay không? Ai là nhân vật trữ tình? Nhân vật trữ tình đã chủ động “cuốn” người đọc vào câu chuyện của mình ra sao?

- **Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình:** Bài thơ giúp bạn hiểu như thế nào về tâm sự và khát vọng của nhân vật trữ tình? Bạn hình dung như thế nào về trạng thái tinh thần của nhân vật trữ tình khi bắt đầu kể câu chuyện giữa thuyền và biển? Điều hàm chứa trong mỗi chi tiết của câu chuyện được “em” kể là gì? Phải chăng khát vọng của nhân vật trữ tình chỉ là luôn được ở bên “anh”?

Nhóm 2: Tìm hiểu yếu tố tự sự trong bài thơ

HS thảo luận dựa trên các gợi ý:

- **Câu chuyện trong bài thơ:** Bạn cảm nhận như thế nào về câu chuyện được nhân vật trữ tình kể lại trong bài thơ?

- **Nhân vật trong câu chuyện tình:** Trong câu chuyện về thuyền và biển, hai đối tượng này được đặt trong tương quan nào? Những cung bậc tình cảm gì đã được “người kể” soi rọi, khám phá?

- **Bức thông điệp tình yêu:** Từ câu chuyện giữa thuyền và biển, bạn suy nghĩ như thế nào về vấn đề “hiểu”, “biết” và “gặp” trong tình yêu đôi lứa? Tình yêu có nhất thiết

III. Khám phá văn bản

1. Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình

- Nhân vật trữ tình xưng “em”, vì vậy có thể hiểu cả bài thơ là lời giải bày của một người phụ nữ về tình yêu.

- Trong lời giải bày đó, ta thấy được mối quan tâm cháy bỏng về sự thủy chung, thấu hiểu và chia sẻ. Mọi biểu hiện đa dạng của biển như *hiền từ, thâm thì, ào ạt xô thuyền, bạc đầu thương nhớ* đều nói lên mong ước chung tình của người phụ nữ vốn xem tình yêu là toàn bộ cuộc sống của mình. Tuy nhiên, không thể xem mong ước ấy là nhỏ hẹp vì ở nhân vật xưng “em”, người đọc còn nhận ra khát vọng “đưa thuyền đi muôn nơi”, nghĩa là khát vọng khám phá sự bao la, vô tận và vĩnh cửu của tình yêu

2. Yếu tố tự sự trong bài thơ

a. Câu chuyện trong bài thơ: câu chuyện hay, xúc động; câu chuyện về tình yêu thủy chung; câu chuyện thể hiện tâm trạng khi yêu của chính tác giả bài thơ;...

b. Mối quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện tình:

- Thuyền và biển là bài thơ viết về tình yêu.

- Những từ ngữ diễn tả tình yêu thuyền và biển có thể được liệt kê là: *nghe lời, nhiều khát vọng, tình... bao la, thâm thì, hiểu, biết, gặp nhau, thương nhớ, đau, sóng gió,...* Đây đều là những từ ngữ có tần suất xuất hiện rất cao trong các bài thơ viết về tình yêu => hai đối tượng thuyền và biển đã được đặt trong mối quan hệ gắn bó – xung đột mang tính vĩnh cửu của tình yêu (trong hình dung của nhà thơ, thuyền và biển chính là một cặp tình nhân). Với lời phụ chú đặt trong ngoặc đơn (“Vì tình yêu muôn thuở/ Có bao giờ đứng yên?”), đáp án của câu hỏi đã được tác giả tự hé lộ.

phải được xây dựng dựa trên sự “hiểu” và “biết” không? Vậy sự rung động thường được cho là “không thể giải thích được” có vị trí như thế nào? “Gặp” là cần thiết, nhưng sự “không gặp” có giá trị như thế nào trong việc giúp ta hiểu rõ bản chất của tình yêu? Bạn suy nghĩ gì khi đặt câu danh ngôn sau đây bên cạnh những lời thơ của Xuân Quỳnh trong bài “Thuyền và biển”: “Tình yêu trong xa cách ví như ngọn lửa trong gió. Gió thổi tắt ngọn lửa nhỏ và thổi bùng ngọn lửa lớn” (Bui-di Rơ-bu-tanh – Bussy Rebutin)?

Nhóm 3: Tìm hiểu mối quan hệ giữa các yếu tố tự sự và trữ tình trong một bài thơ trữ tình

HS thảo luận dựa trên các gợi ý:

- **Sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ:** *Nêu nhận xét về sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ. Số dòng thơ được dành cho từng câu chuyện được phân bố theo tỉ lệ nào? Bạn suy nghĩ gì về điều này? Đặc điểm, tính chất của câu chuyện ở đây có gì khác biệt so với đặc điểm, tính chất của những câu chuyện được kể trong truyện ngắn, tiểu thuyết, thậm chí trong truyện thơ? Hai câu mở đầu bài thơ đóng vai trò gì trong việc định hướng cách nhìn, cảm nhận của người đọc về câu chuyện giữa thuyền và biển? Lời phụ chú: (Vì tình yêu muôn thuở/ Có bao giờ đứng yên?) cho thấy điều gì về nhân vật trữ tình – người kể chuyện? Tại sao nhân vật trữ tình không triển khai thêm câu chuyện “khung” giữa “em” và “anh”?*

- **Vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ:** *Đánh giá chung về vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ.*

- Các cung bậc của tình yêu được nhà thơ soi rọi:

+ niềm đam mê không giới hạn (“Thuyền nghe lời biển khơi”; “Thuyền đi hoài không mỏi”);

+ sự êm ả lắng sâu (“Thăm thì gửi tâm tư/ Quanh mạn thuyền sóng vỗ”);

+ sự cồn cào, mãnh liệt (“Cũng có khi vô có/ Biển ào ạt xô thuyền”);

+ sự nhớ thương khắc khoải (“Những ngày không gặp nhau/ Biển bạc đầu thương nhớ”);

+ sự đau khổ giày vò (“Những ngày không gặp nhau/ Lòng thuyền đau – rạn vỡ”; “Biển chỉ còn sóng gió”);...

c. Bức thông điệp tình yêu:

- “Hiểu” và “biết” ở đây có chung trường nghĩa, chỉ sự thấu tỏ về nhau qua một quá trình không ngừng chia sẻ, tương tác. Còn “gặp” chính là sự sum vầy, quán quýt, đối lập với sự cách xa, phôi pha, lạnh nhạt.

=> Ba yếu tố trên là cách để ta duy trì mối quan hệ tình yêu được tốt đẹp, bền vững theo thời gian.

3. Mối quan hệ giữa các yếu tố tự sự và trữ tình trong một bài thơ trữ tình

- Trong bài thơ, câu chuyện giữa “em” – nhân vật trữ tình – và “anh” là câu chuyện “khung”. “Em” đã kể cho “anh”, cũng là cho độc giả, nghe câu chuyện giữa thuyền và biển. Thực chất câu chuyện được “em” kể chính là sự hình tượng hoá các cung bậc, sắc thái của tình yêu nói chung cũng như lí tưởng, khát vọng tình yêu của “em” nói riêng. Vì câu chuyện giữa thuyền và biển đã nói thay mọi điều cần nói nên “em” không cần phải triển khai rộng hơn, dài hơn câu chuyện giữa mình và “anh”. Lúc câu chuyện giữa thuyền và biển được đẩy tới cao trào (“Nếu từ giã thuyền rồi/ Biển chỉ còn sóng gió”), rất tự nhiên, “em” đã đưa ra lời khẳng định trực tiếp về tình yêu với “anh”: “Nếu phải cách xa anh/ Em chỉ còn bão tố.”

- GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên). - Sau thảo luận, các nhóm cử đại diện lên tham gia chương trình tọa đàm: “Chuyện tình yêu”. - GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ theo định hướng và chọn cử đại diện tham gia. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS các nhóm tham gia tọa đàm dưới sự dẫn dắt của MC. - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi,... Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá hoạt động nhóm (theo Rubric 1- bên dưới) và phân trình bày của HS, chốt kiến thức.	Nhìn chung, việc lồng ghép và hợp nhất hai câu chuyện đã tạo nên các góc soi chiếu khác nhau về tình yêu, cả khách quan lẫn chủ quan, làm cho ấn tượng của người đọc về những điều thổ lộ của nhân vật trữ tình càng thêm mạnh mẽ, sâu sắc. - Bài thơ có thể nảy sinh và phát triển hoàn chỉnh từ một câu chuyện hết sức đơn giản, miễn câu chuyện này giúp tác giả hay nhân vật trữ tình bộc lộ được trọn vẹn cảm xúc về một đối tượng, vấn đề nào đó. => Rõ ràng, trong thơ trữ tình, yếu tố tự sự xuất hiện với tư cách là một phương tiện biểu đạt hữu hiệu, hoàn toàn không làm lấn át thuộc tính trữ tình của thơ trữ tình. - Vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình: + Yếu tố tự sự đã khiến người đọc bị cuốn vào cuộc hành trình tinh thần trong bài thơ một cách tự nhiên. + Yếu tố tự sự đã giúp tác giả làm sáng tỏ được nhiều cung bậc của tình yêu một cách khách quan, dễ tạo nên sự đồng thuận, chia sẻ. + Yếu tố tự sự làm đa dạng hoá các biểu hiện của nhân vật trữ tình: khi lộ diện trực tiếp, khi ẩn mình trong hình tượng “biên”.
---	--

Rubric 1. Đánh giá hoạt động nhóm

<i>Cấp độ</i> <i>Tiêu chí</i>	<i>Tốt</i> <i>(4 điểm)</i>	<i>Khá</i> <i>(3 điểm)</i>	<i>Trung bình</i> <i>(2 điểm)</i>	<i>Cần điều chỉnh</i> <i>(1 điểm)</i>
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép.	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép.	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao.
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng.

	ra các ý kiến cá nhân.	riêng của bản thân.	kiến riêng trong các hoạt động của nhóm.	
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi.

2.3. Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: HS nhận biết và phân tích được ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Theo anh (chị), yếu tố tự sự có ý nghĩa và tác dụng như thế nào trong một bài thơ trữ tình hiện đại? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức bằng sơ đồ, tổng kết bài đọc.	IV. Tổng kết Ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại: - Yếu tố tự sự đã khiến người đọc bị cuốn vào cuộc hành trình tinh thần trong bài thơ một cách tự nhiên. - Yếu tố tự sự đã giúp tác giả làm sáng tỏ được nhiều cung bậc của cảm xúc một cách khách quan, dễ tạo nên sự đồng thuận, chia sẻ. - Yếu tố tự sự làm đa dạng hoá các biểu hiện của nhân vật trữ tình: khi lộ diện trực tiếp, khi ẩn mình gián tiếp.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Tham gia trò chơi “**Ai nhanh ai đúng?**”

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: HS làm bài tập đọc hiểu về văn bản “Thuyền và biển”.

Hình thức:

- HS thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi ra vở.
- Cả lớp hình thành 2 đội từ các cặp đôi để tham gia trò chơi “**Ai nhanh, ai đúng?**” với 2 phần câu hỏi: Câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi tự luận.
- Sau khi nghe xong câu hỏi, đội nào có tín hiệu trước sẽ trả lời trước. Câu trả lời không đúng sẽ thuộc quyền của đội còn lại.

Câu hỏi: Đọc văn bản sau và thực hiện những yêu cầu:

... Chỉ có thuyền mới hiểu
Biển mệnh mông nhường nào
Chỉ có biển mới biết
Thuyền đi đâu, về đâu.

Những ngày không gặp nhau
Biển bạc đầu thương nhớ
Những ngày không gặp nhau
Lòng thuyền đau - rạn vỡ

Nếu từ giã thuyền rồi
Biển chỉ còn sóng gió

Nếu phải cách xa anh
Em chỉ còn bão tố.

(Trích *Thuyền và biển*, Xuân Quỳnh)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Phong cách ngôn ngữ của đoạn thơ trên là?

- A. Sinh hoạt
- B. Báo chí
- C. Nghệ thuật**
- D. Khoa học

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên là?

- A. Tự sự
- B. Biểu cảm**
- C. Miêu tả
- D. Thuyết minh

Câu 3. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Tự do
- B. Năm chữ**
- C. Bảy chữ
- D. Thơ văn xuôi

Câu 4. Nội dung chính của bài thơ viết về chủ đề gì?

- A. Thiên nhiên
- B. Cảnh thuyền và biển
- C. Tình yêu**
- D. Tình cảm gia đình

Câu 5. Đối tượng chính được đề cập trong đoạn thơ trên là?

- A. Thuyền
- B. Biển
- C. Thuyền và biển**
- D. Tình yêu giữa nam và nữ

Câu 6. Biện pháp tu từ trong đoạn thơ trên là?

- A. Ẩn dụ**
- B. Hoán dụ
- C. So sánh
- D. Liệt kê

Câu 7. Tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn thơ trên là?

- A. Gọi cảm, gợi hình, tạo tính nhạc cho câu thơ
- B. Thể hiện tình cảm, tình yêu khăng khít, gắn bó giữa đôi lứa yêu nhau
- C. Cả hai đáp án trên đều sai
- D. Cả hai đáp án trên đều đúng**

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Đoạn thơ trên khiến anh/chị nghĩ đến câu ca dao tục ngữ nào?

Câu 9. Ý nghĩa của đoạn thơ trên? Từ ý nghĩa của đoạn thơ hãy viết một đoạn văn ngắn về phẩm chất trong tình yêu.

Câu 10. Cùng xuất phát dưới ngòi bút của thi sĩ Xuân Quỳnh, cùng viết về đề tài tình yêu, anh/chị hãy nêu ra tác phẩm tương tự mà mình đã biết và nêu nội dung của nó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận cặp đôi.
- GV có thể tổ chức cho 2 nhóm HS thi trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh trình bày câu trả lời.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV gợi ý trả lời:

Câu 1. C. Nghệ thuật

Câu 2. B. Biểu cảm

Câu 3. B. Năm chữ

Câu 4. C. Tình yêu

Câu 5. C. Thuyền và biển

Câu 6. A. Ấn dụ

Câu 7. D. Cả hai đáp án trên đều đúng

Câu 8.

- *Thuyền ơi có nhớ bến chăng?/ Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*

- *Thuyền dờn nhưng bến chẳng dờn,/ Bán buôn là nghĩa muôn đời cùng nhau.*

- *Gương không có thủy gương mờ,/ Thuyền không có lái lừng lơ giữa dòng./ Mong sao nghĩa thủy tình chung/ Cho thuyền cập bến, gương trong ngàn đời.*

Câu 9. Đoạn thơ trên thể hiện một khát khao về tình yêu chung thủy, gắn bó của thi sĩ Xuân Quỳnh. Tình yêu là một loại tình cảm thiêng liêng của con người, thế nên, tình yêu của con người đòi hỏi rất nhiều thứ. Chân thành và thủy chung là hai thứ tiên quyết để đổi lấy một cuộc tình hạnh phúc trọn vẹn. Thủy chung cũng là thứ mà con người ta theo đuổi và đề cao từ bao đời nay. Một tình yêu có đủ các yếu tố trên sẽ là một tình yêu làm nên hạnh phúc, tạo nên một mái ấm thật sự. Thế nhưng trong nhịp sống vội vã ngày nay, nhiều người dường như đang đánh mất đi tính cách trân quý ấy. Hãy nhớ rằng ta chỉ nhận lại khi ta thật sự cho đi, và tình yêu chỉ đông đầy khi dùng chân thành và chung thủy đổi lấy.

Câu 10. Bài thơ viết cùng đề tài và cùng tác giả là bài thơ *Sóng*. Nội dung bài thơ: Mượn hình tượng con sóng để nói đến em - một cô gái với một tình yêu nồng nàn, cháy bỏng, vô cùng chung thủy. Em là hình tượng của những con người vì yêu mà vượt lên trên mọi khó khăn, vượt lên những khuôn khổ, thách thức của không gian, thời gian để kiếm tìm hạnh phúc.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá theo bảng kiểm hoặc cho điểm HS.

STT	Các tiêu chí	Kết quả	
		Có	Không
1	Các thành viên tham gia tích cực, nhiệt tình.		
2	Các câu hỏi trắc nghiệm được thảo luận và lựa chọn chuẩn xác.		
3	Các câu hỏi tự luận được thảo luận và trả lời có sức thuyết phục cao.		
4	Cách diễn đạt các câu hỏi tự luận dễ hiểu, rõ ràng.		
5	Phong thái trả lời tự tin, dứt khoát, mạch lạc.		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học tìm hiểu thêm những tác phẩm trữ tình giàu tính tự sự.

b. Nội dung: Hình thành các câu lạc bộ.

c. Sản phẩm: Những tác phẩm sưu tầm của HS và sự nhận diện của HS về yếu tố tự sự trong thơ trữ tình

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HS tìm thêm những bài thơ trữ tình chứa đựng câu chuyện ẩn dụ về tình yêu gắn gũi với bài thơ *Thuyền và biển*.

- Chỉ ra sự hấp dẫn của yếu tố tự sự trong đó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm (thời gian 1 tuần).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ sản phẩm trên nhóm lớp sau thời gian quy định.
- HS nhận xét phần thể hiện của bạn chéo nhóm, có sự hỗ trợ, định hướng của GV.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề, cùng tác giả.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc *Nàng Ơm nhắn nhủ*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

THỰC HÀNH ĐỌC Ở NHÀ

NÀNG ƠM NHẮN NHỦ

(Trích Nàng Ơm – chàng Bông Hương – truyện thơ dân tộc Mường)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của truyện thơ dân gian trên các phương diện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả,...

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ (thể hiện qua văn bản đọc).

2. Phẩm chất

- Biết nâng niu trân trọng cái đẹp, nghệ thuật; có quan điểm khi tiếp nhận cái đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, tranh ảnh, video liên quan, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

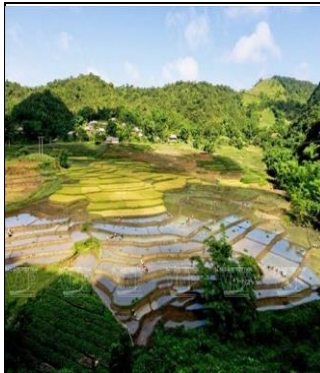
a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. **Nội dung hoạt động:** GV cho HS xem tranh, tìm từ khóa liên quan đến bài học.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**



Tranh 1



Tranh 2



Tranh 3



Tranh 1

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xem 4 bức tranh theo thứ tự, gọi tên bức tranh và từ khóa có liên quan đến 4 bức tranh được xem (HS gọi tên bức tranh, mỗi bức tranh được 10 điểm, tìm ra từ khóa từ bức tranh đầu tiên được 100 điểm, sau mỗi bức tranh không tìm đúng từ khóa thì trừ giá trị của từ khóa đi 20 điểm mỗi bức).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ cá nhân.
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV tổ chức cho HS xem tranh tìm từ khóa có liên quan.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→ **Dự kiến trả lời và dẫn vào bài:**

Tranh 1. Ruộng bậc thang

Tranh 2. Nhà sàn

Tranh 3. Trang phục - Tình yêu

Tranh 4. Lễ hội

Từ khóa: Người Mường

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác phẩm

- a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm: thể loại, xuất xứ, chủ đề, phương thức biểu đạt chính, bố cục.
- b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác phẩm.
- c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Trình bày hiểu biết ngắn gọn của em về tác phẩm <i>Nàng Ờm nhắn nhủ</i> (Thể loại, xuất xứ, phương thức biểu đạt, tóm tắt nội dung văn bản, bố cục,... của văn bản.) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đã chuẩn bị phần tìm hiểu ở nhà. - HS thảo luận theo bàn thêm 3 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi một số HS trình bày nhanh 1 phút về tác phẩm. - HS nhận xét, bổ sung cho nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	1. Tìm hiểu chung về tác phẩm 1. Thể loại: truyện thơ (dân tộc Mường). 2. Xuất xứ: Tác phẩm là một trong những bộ truyện được sưu tầm cùng các bộ truyện thơ khác như: <i>Nàng Nga - Hai mối, Út Lót - Hồ Liêu, Nàng con Côi</i>,... Đây là những câu chuyện phổ biến trong dân gian lúc bấy giờ. 3. Phương thức biểu đạt: biểu cảm và tự sự. 4. Tóm tắt văn bản: Nàng Ờm và chàng Bồng Hương yêu nhau nhưng lại không thể công khai vì sợ khuôn phép của bố mẹ hai bên không chấp thuận. Bố mẹ nàng Ờm khinh chàng Bồng Hương nhà nghèo nên luôn ra sức cấm đoán. Trước hoàn cảnh đó, nàng Ờm bỏ nhà theo người mình yêu lên núi Làn Ai. Tuy vậy, để tránh những điều như lời xấu, nàng Ờm đã ăn lá ngón để “giữ trọn lời thề về bên ma”. Chàng Bồng Hương thấy vậy, cũng ăn lá ngón để đến bên người mình thương. Nơi trần gian này không thể dung thứ cho tình yêu của bọn họ, họ liền sánh đôi bên nhau ở mường Ma. Núi Làn Ai sau này trở thành một câu chuyện đầy đau lòng và bi thương cho mỗi tình. Mỗi độ trăng tròn, linh hồn của cô gái trẻ lại hiện về, để kể cho đời sau nghe về mối tình thấm thiết của một cặp đôi từng cùng sống cùng chết trên ngọn núi này. Ngọn núi cũng trở thành một truyền thuyết bất tử đối với những con người có tình.

	5. Bố cục văn bản - Đoạn 1: Gia cảnh của nàng Ờm, cha mẹ đều khắt khe và quản thúc hai cô con gái rất chặt. Chàng Bồng Hương gặp gỡ nàng từ năm 7, 8 tuổi và đến khi nàng 15, chàng ngỏ lời yêu. - Đoạn 2: Cha mẹ căm đoán và ép gả, không cho nàng ở cùng Bồng Hương vì gia cảnh của chàng nghèo khó. Em gái giúp nàng bỏ trốn. Nàng Ờm và chàng Bồng Hương cùng ăn lá ngón để gặp lại nhau ở mường Ma. - Đoạn 3: Kết thúc, nàng hiện về khuyên cha mẹ để mình lại núi Làn Ai. Từ đây, nơi này trở thành một truyền thuyết về tình yêu.
--	--

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS xác định được nhân vật trữ tình và người kể chuyện trong văn bản, ý nghĩa của việc triển khai câu chuyện theo lời kể của nhân vật này
- HS hiểu được thông điệp của văn bản, tác dụng của các yếu tố tự sự trong việc thể hiện thông điệp đó.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS các nhóm đọc và tìm hiểu văn bản, cụ thể: Nhóm 1,2: Tìm hiểu mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình Gợi ý tìm hiểu: - Nhân vật trữ tình là ai? - Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện ra sao? Nhóm 3,4: Tìm hiểu các yếu tố tự sự trong tác phẩm Gợi ý tìm hiểu: - Nêu vắn tắt câu chuyện trong tác phẩm.	II. Đọc hiểu văn bản 1. Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình: a. Nhân vật trữ tình: Nàng Ờm trực tiếp thổ lộ nỗi lòng mình: - Ước vọng về một tình yêu tự do. - Ước mong về hạnh phúc lứa đôi. - Ứng xử nhân văn tuy cuộc đời đầy đau khổ. b. Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình: - Ở cõi trần: Nàng Ờm và chàng Bồng Hương yêu nhau mãnh liệt nhưng cũng đón đau không cùng vì không đến được với nhau nên đành kết liễu cuộc đời. - Chốn mường Ma: Nàng Ờm và người nàng yêu được hưởng hạnh phúc trọn vẹn. Cái chết đã giải thoát cho họ để họ sang thế giới bên kia, có cuộc sống tự do, hạnh phúc với người mình yêu. Đó là một

- Tác giả đã triển khai mạch truyện như thế nào?

- Xác định nhân vật chính của truyện và người kể chuyện.

- Tác phẩm gửi gắm thông điệp gì về tình yêu?

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoàn thành nhiệm vụ theo nhóm, kết quả được ghi lại vào giấy A0.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện HS 2 nhóm thuyết trình kết quả.

- HS 2 nhóm còn lại lên treo kết quả, quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi, bổ sung, nhận xét,...

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

sự giải thoát, một kết quả cao nhất của một tình yêu bị cấm đoán.

=> Nàng Ôm không hề oán trách cha mẹ, khi cha mẹ muốn đưa nàng về nhưng hôn vía nàng đã từ chối, xin ở lại núi Làn Ai. Qua đó, nàng muốn những người còn sống “Rút ra bài học” và “Không phải chịu số phận bất hạnh” như Ôm và Bồng Hương.

2. Tìm hiểu các yếu tố tự sự trong tác phẩm

a. Câu chuyện trong tác phẩm: Tác phẩm kể về tình yêu giữa nàng Ôm - sinh ra trong gia đình giàu có và chàng Bồng Hương - nhà nghèo. Bố mẹ nàng không chấp nhận chuyện tình yêu của hai người và cuối cùng hai người trốn lên núi sinh sống. Vì sợ điều tiếng với dân làng và muốn giữ trọn lời thề với người yêu, nàng đã quyết định quyên sinh. Quá xót thương người yêu, chàng cũng quyết định đi theo nàng. Và mỗi đêm trăng sáng, nàng Ôm lại hiện về nơi đây để mà kể cho đời sau nghe về câu chuyện tình cũng như cuộc sống hạnh phúc của hai người khi đã không còn vướng bận chuyện trần thế.

b. Triển khai mạch truyện:

- Gia cảnh của nàng Ôm, cha mẹ đều khát khe và quản thúc hai cô con gái rất chặt. Chàng Bồng Hương gặp gỡ nàng từ năm 7, 8 tuổi và đến khi nàng 15, chàng ngỏ lời yêu.

- Cha mẹ cấm đoán và ép gả, không cho nàng ở cùng Bồng Hương vì gia cảnh của chàng nghèo khó. Em gái giúp nàng bỏ trốn. Nàng Ôm và chàng Bồng Hương cùng ăn lá ngón để gặp lại nhau ở mường Ma.

- Kết thúc, nàng hiện về khuyên cha mẹ để mình lại núi Làn Ai. Từ đây, nơi này trở thành một truyền thuyết về tình yêu.

c. Nhân vật trong truyện:

- Nhân vật trong truyện cũng là người kể chuyện: Nàng Ôm

- Ý nghĩa: nàng Ôm là nhân vật chính, vì vậy các tình tiết, diễn biến sẽ được kể lại một cách đầy đủ, chính xác hơn.

d. Thông điệp tình yêu:

	- Văn bản <i>Nàng Ơm nhẩn nhủ</i> thể hiện khát vọng tình yêu tự do, ước mong hạnh phúc và cách ứng xử nhân văn của người từng chịu cuộc đời đau khổ. - Tuy nhiên, ẩn phía sau ta vẫn thấy được sự phản kháng mạnh mẽ của những người dân trước hủ tục “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Đây chính là hủ tục bóc lột và áp bức quyền con người khiến con người bị giam hãm trong một lồng giam chật chội.
--	--

2.3. Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS hình thành hướng tiếp nhận truyện thơ dân gian của các dân tộc thiểu số Việt Nam.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hỏi: Từ việc thực hành đọc văn bản <i>Nàng Ơm nhẩn nhủ</i>, liên hệ với văn bản <i>Lời tiễn dặn</i>, em hãy đề xuất hướng tiếp nhận các truyện thơ của một số cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết Hướng tiếp nhận các truyện thơ của một số cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam: - Chủ đề: Tình yêu đôi lứa. - Cốt truyện: Diễn ra theo một trình tự nhất định: từ yêu nhau thắm thiết đến bị bố mẹ ngăn cản, trải qua muôn vàn khó khăn thử thách và cuối cùng quay về bên nhau. - Hình thức: Số từ trong một dòng, số câu trong một khổ, cách gieo vần, nhịp điệu đều tự do, phóng khoáng không theo bất cứ một quy luật nào,...

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150) chữ bày tỏ suy nghĩ của bản thân về câu chuyện tình nàng Ơm và chàng Bồng Hương.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS viết đoạn văn ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS trình bày kết quả bài làm vào tiết dạy chiều.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên hướng dẫn để HS thực hiện bài tập ở nhà.
- Gợi ý tham khảo:

Có ai trên thế gian thoát khỏi nỗi băn khoăn “Làm sao sống được mà không yêu/ Không nhớ không thương một kẻ nào?”. Tình yêu tự muôn đời đã tồn tại như một lẽ sống. Từ cái thuở nàng Ờm và chàng Bồng Hương yêu nhau, câu chuyện yêu đương trắc trở của họ đã dễ dàng lấy đi nước mắt của bao người, bao đời. Câu chuyện tình cảm động ấy đã ghi tạc vào rêu phong sử tích, lấp lánh giữa những văn hóa, phong tục rộn ràng của thôn xóm, bản làng. Dẫu biết rằng, mọi truyền thuyết, huyền thoại đều được thêu dệt nên từ những ước vọng ngàn đời của dân gian về một cuộc sống yên bình, hạnh phúc, người yêu nhau sẽ được trọn đời bên nhau... Chính huyền thoại về nàng Ờm và chàng Bồng Hương đã tạc vào dáng hình đá, thổi vào linh hồn núi, khắc vào tâm khảm cỏ cây để trở thành một tình yêu vĩnh hằng, bất tử.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học thể hiện năng lực sưu tầm, dịch thuật, tìm hiểu viết báo cáo nghiên cứu.

b. Nội dung: HS sưu tầm, dịch thuật và viết bài.

c. Sản phẩm: Sưu tầm, dịch thuật, bài viết của HS,...

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- **Nhiệm vụ 1:** HS sưu tầm các tác phẩm văn học dân tộc thiểu số và dịch các từ mang tính địa phương.
- **Nhiệm vụ 2:** Tìm hiểu giá trị tư tưởng, ý vị nhân sinh của một số đoạn trích và viết báo cáo nghiên cứu.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (khuyến khích theo nhóm, thời gian đến hết HKI).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS nộp sản phẩm vào nhóm lớp theo quy định.
- HS khác quan sát, nhận xét sản phẩm của bạn/ nhóm bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập.
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề trong và ngoài nước.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt. Lỗi về thành phần câu và cách sửa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 40

LỖI VỀ THÀNH PHẦN CÂU VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-**Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS nhận biết được các biểu hiện của lỗi ngữ pháp (cụ thể ở đây là lỗi về thành phần câu) và cách sửa từng loại lỗi.

- HS tự nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi thực hành nói và viết; biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản.

2. Phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.
- Rèn luyện phản ứng nhanh, tính tập thể, đoàn kết, hợp tác.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi “Khám phá Tiếng Việt” vòng 1.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS thực hiện vòng 1 trò chơi Khám phá Tiếng Việt: Vòng khởi động (5 phút). GV chia lớp thành 2 đội chơi. 2 đội chơi xem đoạn video. https://www.youtube.com/watch?v=qCx5JqvP9Y8&t=8s (Từ 03:09 – 04:29) Câu hỏi: Ghi lại những câu đối thoại không đầy đủ thành phần ngữ pháp. Đội nào ghi được nhiều hơn là đội chiến thắng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem video, trao đổi thảo luận thực hiện trò chơi. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện đội chơi tham gia trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, lắng nghe, bổ sung, góp ý, phản biện. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: <i>Vậy những câu nói thiếu thành phần ở trên có phải là những câu văn mắc lỗi hay không? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta giải đáp.</i>	- Ừ - Một à? - Là họ hàng - Đúng - Bọn họ hàng - Hà? - Ừ - Sợ lắm - Một - Nhưng mà gọi là họ hàng chứ không được gọi là bọn họ hàng. ,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (THỰC HÀNH)

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được các biểu hiện của lỗi ngữ pháp (cụ thể ở đây là lỗi về thành phần câu) và cách sửa từng loại lỗi.
- HS tự nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi thực hành nói và viết; biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi “Khám phá Tiếng Việt” vòng 2, 3 và 4.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, nhanh và kết quả thực hành bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Nhận biết lỗi về thành phần câu GV lưu ý HS trả lời nhanh câu hỏi củng cố kiến thức: Câu tiếng Việt có những thành phần nào? Những thành phần nào được xem là	1. Nhận biết lỗi về thành phần câu <i>Câu 1. Với tác phẩm này đã thể hiện tài năng của một cây bút truyện ngắn bậc thầy. có phải là câu văn thiếu chủ ngữ?</i> A. Đúng B. Sai <i>Câu 2. Với tác phẩm này, nhà văn đã thể hiện tài năng của một cây bút truyện ngắn bậc thầy. có phải là câu văn đúng?</i>

nòng cốt của câu? Bên cạnh thành phần nòng cốt, còn có những thành phần phụ nào? Các thành phần câu tiếng Việt có trật tự như thế nào?

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thực hiện vòng 2 trò chơi **Khám phá Tiếng Việt: Bắt bệnh ngôn từ**

- GV chia lớp thành 2 đội chơi như vòng 1 (mỗi đội chọn cử ra 5 người tham gia trò chơi)
- Có 8 câu hỏi trắc nghiệm, HS các đội chọn đúng sai cho các câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 5 điểm
- Các đội có thời gian tối đa 2 phút để trao đổi, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ
- Hết thời gian 2 phút, 2 đội chơi bấm nút để phân quyền trả lời trước – sau
- Đội nào được nhiều điểm là đội thắng cuộc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các đội nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm tham gia trò chơi
- HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét nếu các đội chơi không trả lời được.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

A. Đúng

B. Sai

Câu 3. *Lục bát, một thể thơ “đặc sản” có từ lâu của người Việt. có phải là câu văn tỉnh lược thành phần vị ngữ?*

A. Đúng

B. Sai

Câu 4. *Lục bát là một thể thơ “đặc sản” có từ lâu của người Việt. có phải là câu văn thiếu chủ ngữ?*

A. Đúng

B. Sai

Câu 5. *Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng như thế. có phải là câu văn rút gọn cả chủ lẫn vị ngữ?*

A. Đúng

B. Sai

Câu 6. *Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng như thế, tôi không thể chần chừ. là câu văn được sửa đã có đầy đủ cả chủ ngữ, vị ngữ và trạng ngữ. Đúng hay sai?*

A. Đúng

B. Sai

Câu 7. *Đang hành quân trong rừng một đơn vị bộ đội. là câu văn có sử dụng phép đảo ngữ. Đúng hay sai?*

A. Đúng

B. Sai

Câu 8. *Trái Đất nóng lên chẳng những khiến băng ở Bắc Cực và Nam Cực tan nhanh, nhấn chìm nhiều vùng đất màu mỡ mà còn đe dọa sự sống của muôn loài. là câu ghép chính phụ. Đúng hay sai?*

A. Đúng

B. Sai

2. Thực hành tìm lỗi về thành phần câu và cách sửa

Bài tập 1

– **Câu a:** “Bằng những khảo sát đáng tin cậy” là thành phần trạng ngữ “đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần dần khô cạn” có thể xem là vị ngữ. Lỗi của câu này là thiếu chủ ngữ.

Sửa: Bỏ từ “Bằng”: *Những khảo sát đáng tin cậy đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần dần khô cạn.* Hoặc: Thêm chủ ngữ: *Bằng những khảo sát đáng tin cậy, các nhà khoa học đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần dần khô cạn.*

– **Câu b:** “Rất thú vị” là cụm từ bị đặt sai vị trí, lẽ ra phải được đặt sau danh từ hoặc cụm danh từ để làm vị ngữ.

- GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức

Nhiệm vụ 2: Thực hành tìm lỗi về thành phần câu và cách sửa

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thực hiện vòng 3 trò chơi **Khám phá Tiếng Việt: Chữa bệnh ngôn từ**.

- GV chia lớp thành 2 đội chơi như vòng 1,2 (mỗi đội chọn cử ra 6 người tham gia trò chơi, có thể thay người sau các vòng trước).

- Có 2 bài tập tự luận, HS các đội thảo luận hoàn thành, mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm.

- Các đội có thời gian tối đa 5 phút để trao đổi, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ **bài tập 1,2 SGK**.

- Hết thời gian 5 phút, 2 đội chơi bấm nút để phân quyền trả lời trước – sau.

- Đội nào được nhiều điểm là đội thắng cuộc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ.

- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm tham gia trò chơi.

- HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét nếu

Sửa: Đảo “rất thú vị” ra sau cụm danh từ “Truyện ngắn sử dụng các yếu tố kì ảo, lạ lùng rất thú vị”.

– **Câu c:** “Những con người vị tha giàu đức hi sinh ấy” mới chỉ là một cụm danh từ, tự nó chưa thể làm thành một câu.

Sửa: Thêm một cụm chủ – vị đặt phía trước cụm từ đã có, biến nó thành bộ ngữ để tạo thành câu hoàn chỉnh: *Nhân dân rất biết ơn những con người vị tha giàu đức hi sinh ấy*. Nếu dùng cụm từ đã có làm chủ ngữ, cần bổ sung vị ngữ phía sau để có một câu mang nội dung thông báo khác: *Những con người vị tha giàu đức hi sinh ấy không màng việc tên tuổi của mình có được ghi vào sử sách hay không*.

– **Câu d:** Người viết nhằm “Theo báo Tuổi Trẻ cho biết” là một cụm chủ – vị, sự thực, đây mới chỉ là cụm từ có khả năng làm trạng ngữ.

Sửa: Bỏ từ “theo, → “Báo Tuổi Trẻ” sẽ là chủ ngữ: *Báo Tuổi Trẻ cho biết, tình trạng ùn ứ nông sản của nông dân miền Tây đã bước đầu được giải quyết*. Hoặc: Bỏ cụm từ “cho biết”, → “Theo báo Tuổi Trẻ” là trạng ngữ, “tình trạng ùn ứ nông sản của nông dân miền Tây đã bước đầu được giải quyết” có đầy đủ chủ ngữ, vị ngữ và đó là câu hoàn chỉnh.

– **Câu e:** “Chữ người tử tù” là cụm danh từ được dùng làm nhan đề của một tác phẩm; về “một tác phẩm được sáng tác bằng bút pháp lãng mạn của Nguyễn Tuân” là thành phần giải thích cho cụm danh từ ấy. Như vậy, đơn vị này chưa phân định rõ là thành phần gì trong câu, và chưa có nội dung thông báo. Đây là một trường hợp lỗi vì chưa có thành phần nòng cốt của câu.

Sửa: Thêm từ “là”: *Chữ người tử tù là một tác phẩm được sáng tác bằng bút pháp lãng mạn của Nguyễn Tuân*.

– **Câu g:** “Với những tin tức lan truyền trên mạng xã hội” là trạng ngữ; “không phải bao giờ cũng chính xác” có thể xem là vị ngữ. Vậy câu này bị lỗi thiếu chủ ngữ.

Sửa: Bỏ từ “Với”: *Những tin tức lan truyền trên mạng xã hội không phải bao giờ cũng chính xác*.

– **Câu h:** “Khổ thơ” là chủ ngữ “chỉ có một câu” là vị ngữ của câu; “rất đặc biệt” là thành phần giải thích thêm cho đặc điểm của khổ thơ. Câu này đầy đủ thành phần, đúng ngữ pháp.

Bài tập 2

các đội chơi không trả lời được.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu những cách đặt câu độc đáo của các nhà văn.

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thực hiện vòng 4 trò chơi **Khám phá Tiếng Việt: Nhà ảo thuật ngôn từ**

- GV chia lớp thành 2 đội chơi như vòng 1,2,3 (mỗi đội chọn cử ra 3 người tham gia trò chơi, có thể thay người sau các vòng trước).

- Các đội có thời gian tối đa 3 phút để trao đổi, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ **bài tập 3 SGK**.

- Hết thời gian 3 phút, 2 đội chơi bấm nút để phân quyền trả lời trước – sau.

- Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm. Đội nào được nhiều điểm là đội thắng cuộc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận trao đổi hoàn thành nhiệm vụ.

- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm tham gia trò chơi.

- HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét nếu

– **Câu a:** “Truyện ngắn” là một thuật ngữ “thể loại linh hoạt ấy” là thành phần giải thích. Cả đơn vị ấy mới chỉ là chủ ngữ, chưa có vị ngữ.

Sửa: Bổ sung vị ngữ: *Truyện ngắn, thể loại linh hoạt ấy, chiếm vị trí quan trọng trong nền văn học hiện đại.*

– **Câu b:** Vị trí các thành phần câu bị đảo, không phù hợp.

Sửa: *Một nhóm họa sĩ đến từ thành phố đã vẽ bức tranh tường hoành tráng này.*

– **Câu c:** Trong câu tiếng Việt, quan hệ từ “không chỉ” bao giờ cũng đi với “mà còn” thành một cặp. Câu này thiếu một vế, do vậy, cần thêm một vế câu có sử dụng quan hệ từ “mà còn” với nội dung phù hợp: *Số đỏ không chỉ là một tác phẩm trào phúng đặc sắc vào bậc nhất trong văn học Việt Nam trước 1945, mà còn có vị trí quan trọng trong nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.*

– **Câu d:** *Văn bản nghị luận, loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc.* Viết như thế này, về “loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc” chỉ là thành phần giải thích của cụm từ “Văn bản nghị luận”.

Sửa: Thêm từ “là”: *Văn bản nghị luận là loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc.* Hoặc: Giữ nguyên thành phần giải thích, thêm vị ngữ cho câu: *Văn bản nghị luận – loại văn bản được viết ra với mục đích ai văn bản đối thuyết phục người đọc – bao giờ cũng phải có luận đề.*

Bài tập 3

Trong một số loại văn bản, nhất là văn bản văn học, người viết có những tìm tòi, sáng người Việt tạo về biểu đạt, trong đó có cách tạo câu. Có những trường hợp, câu trong văn bản văn học giống dạng thức của loại câu sai (thiếu thành phần nòng cốt, trật tự các thành phần câu không theo quy tắc...), tuy nhiên, khi đặt trong quan hệ với những câu trước hoặc sau, các câu có hình thức như thế hoàn toàn được chấp nhận, hơn thế, còn có giá trị nghệ thuật.

– **Câu a:** Ở đây có hiện tượng tách câu. Bình thường, người ta có thể chỉ viết một câu *Huân cảm tưởng như mình đã bị thuồng vắn, bị đạo ý.* Nhưng để nhấn mạnh, tạo ngữ điệu khác lạ, tác giả đã tách cụm *Bị đạo ý* thành một câu, chỉ có cụm động từ. Tuy trở thành câu không có chủ ngữ, nhưng do được chủ ngữ của câu trước thuyết minh, câu này vẫn có giá trị thông báo, trở thành hợp lí.

các đội chơi không trả lời được. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức, tổng kết trao giải từng vòng chơi và tổng cả 4 vòng chơi. - GV lưu ý HS cách tìm lỗi, sửa lỗi về thành phần câu cũng như cách sử dụng câu đúng, hay, độc đáo, sáng tạo trong việc tạo lập văn bản.	– Câu b: “Mắt mèo hoang” là cụm danh từ, khi tách ra trở thành câu không phân định được thành phần. Tuy vậy, nhờ câu sau đó mà người đọc hiểu rằng, “mắt mèo hoang” là mắt của “em” theo cách nói của “mẹ”. Như vậy, đây là một câu hay, thể hiện cách viết đầy tính nghệ thuật của tác giả. – Câu c: Nếu theo cấu trúc bình thường, hai câu này có thể viết lại thành: <i>Đó là người cầm của quán rượu. Người cầm ấy là anh Ba Hoàn.</i> Nhưng ở đây, nhờ có câu trước mà câu sau chỉ cần là một cụm danh từ, nghĩa vẫn rất tường minh. Hơn thế, <i>Anh Ba Hoàn</i> được tách ra thành câu, sử dụng dấu chấm than thể hiện sắc thái khẳng định chắc chắn. Nó còn mang nghĩa tình thái: Người ta có thể vô cùng ngạc nhiên về sự thật không ngờ đó.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng sự hiểu biết về cấu trúc cú pháp, các thành phần câu để không mắc lỗi trong lời ăn tiếng nói hàng ngày và có thể đạt hiệu quả cao nhất trong thực hành viết văn.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm các ngữ liệu mắc lỗi câu trong đời sống, trong các bài văn của chính mình, của mọi người.
- Thành lập CLB ngôn ngữ.
- Trao đổi các kỹ năng giao tiếp.

c. Sản phẩm:

- Sổ tay giao tiếp, sổ tay văn học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập (Về nhà) Nhóm 1: Tạo sổ tay giao tiếp (bằng cách sưu tầm và ghi lại những lỗi về câu trong lời ăn tiếng nói hàng ngày). Nhóm 2: Tạo sổ tay văn học (bằng cách tìm các ngữ liệu chứa sự độc đáo trong đặt câu và phân tích nét độc đáo ấy). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm) Các nhóm trao đổi, thu thập thông tin, suy nghĩ hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm theo từng tuần hoặc tạo sổ tay điện tử cập nhật hằng ngày có sự chọn lọc và kiểm duyệt sản phẩm. Bước 4: Đánh giá, kết luận	Sản phẩm thực tế của các nhóm được cập nhật theo quy định (theo ngày hoặc theo tuần).

GV đánh giá bằng nhận xét hoặc cho điểm HS.	
---	--

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài:** Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

VIẾT

Tiết: 41, 42

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- HS từng bước hoàn thiện kỹ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội từng được rèn luyện qua nhiều bài học trước.

- HS chọn được đề tài phù hợp với định hướng viết của Bài 4, phân biệt với định hướng viết của Bài 3.

Thực hành viết

- Từ định hướng trên, HS biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề, đáp ứng yêu cầu đối với kiểu bài được nêu trong SGK.

2. Phẩm chất

- HS thể hiện được sự chủ động trong việc bàn luận về vấn đề, biết kết nối vấn đề với những lựa chọn của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. **Nội dung hoạt động:** GV hướng dẫn HS xem Clip, đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=7wtfhZwyrcc - Học sinh quan sát và trả lời câu hỏi: Bài học nào trong Clip trên tác động tới em mạnh mẽ nhất? Vì sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh quan sát Clip, suy nghĩ câu hỏi. - GV động viên, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS xung phong trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, nghe và bổ sung ý kiến. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: <i>Xã hội hiện đại đang đặt ra trước mỗi chúng ta nhiều thử thách mới. Để hòa nhập một cách tích cực với cuộc sống hiện nay bạn sẽ lựa chọn thái độ ứng xử như thế nào? Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) là một cơ hội khám phá, đầy ý nghĩa. Hãy bắt đầu bài học ngày hôm nay.</i>	- HS lựa chọn vấn đề xã hội. - HS thể hiện quan điểm cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. **Mục tiêu:**

- HS nhận biết được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận có nội dung đề cập những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống thường nhật; có ý thức rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân bằng ngôn ngữ viết.

b. **Nội dung hoạt động:**

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận về những yêu cầu của một bài viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) trong tương quan so sánh với yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS		Dự kiến sản phẩm			
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/115 và thảo luận về các vấn đề: Câu 1: Một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) cần đáp ứng những yêu cầu gì? Câu 2: Những yêu cầu này có điểm gì chung và riêng so với những yêu cầu trong một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh)? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và sử dụng sơ đồ để so sánh yêu cầu cần đạt của 2 kiểu bài theo nhóm bàn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.		Loại văn bản	Văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh)	Văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)	
		Giống		- Nêu được vấn đề. - Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết. - Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí. - Sử dụng được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, thích hợp, đầy đủ. - Đưa ra được những ý kiến đánh giá từ một góc nhìn khác. - Rút ra được ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề.	
		Khác	đề tài	Con người với cuộc sống xung quanh, một loại đề tài gần với trải nghiệm của HS.	Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại, một loại đề tài khác đòi hỏi HS phải huy động nhiều kiến thức tổng hợp về văn hoá, xã hội, phải thể hiện được những suy tư có tầm bao quát hơn về việc chủ động thích ứng với những đòi hỏi của “thời đại toàn cầu hoá”.
			tổ chức bài viết	HS cần chú ý đưa ra được những ý kiến trái chiều, lí lẽ phản bác và đặc biệt nêu bật ý nghĩa của vấn đề đối với bản thân.	Thao tác liên hệ bản thân phải được chú ý thích đáng và HS cần thể hiện được một cách chân thực những suy nghĩ, trải nghiệm của chính mình trước việc lựa chọn lối sống, việc hoạch định con đường tương lai của bản thân. Câu trả lời dứt khoát, rành mạch về vấn đề được nghị luận có thể chưa có nhưng việc định

				hình các nguyên tắc hành động thì vẫn cần được xem là yêu cầu không thể bỏ qua.	
--	--	--	--	---	--

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS nhận biết được cách triển khai vấn đề của bài viết.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 115-117 SGK.
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi SGK.
- HS rút ra được các bước để viết một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc bài viết tham khảo và nhắc các em chú ý các thẻ định hướng đọc. - GV lưu ý: Đọc xong mỗi đoạn, cần dừng lại để phân tích nội dung thể hiện trong đó và những thao tác được người viết sử dụng (có thể không cần đi sâu tìm hiểu nội dung cụ thể được bàn mà quan tâm đến tính chất của nội dung, trong sự đối chiếu với yêu cầu chung của kiểu bài). Bài viết tham khảo đề cập vấn đề tương đối khó nhưng đã ngầm giới thiệu cái nhìn tổng quan về “xã hội hiện đại” – điều mà HS cần nắm được để có điều kiện thực hành viết theo những đề tài dễ hơn. - GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi đặt dưới bài viết tham khảo: + Nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài viết và ý nghĩa của nó. + Xác định hệ thống luận điểm được triển khai trong bài viết. + Nhận xét về mức độ thuyết phục của các bằng chứng được người viết đưa ra. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tham khảo. - HS trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận	Bài viết tham khảo: Cư dân của hành tinh – Nhóm biên soạn - Vấn đề chính được bàn luận trong bài viết: Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại. - Hệ thống luận điểm và mạch lập luận của bài viết (các thẻ đọc trong bài viết tham khảo đã thể hiện khá rõ điều này): + Luận điểm 1: Xem xét vấn đề từ nguồn gốc chung của loài người. + Luận điểm 2: Xem xét vấn đề từ thực tiễn lịch sử cận – hiện đại của thế giới. + Luận điểm 3: Xem xét vấn đề từ mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc. + Luận điểm 4: Xem xét vấn đề từ góc nhìn khác + Luận điểm 5: Ứng xử thực tế cần có của mỗi người khi nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề bàn luận.

- GV nhận xét, chốt kiến thức. - HS có thể học tập kỹ năng diễn đạt và trình bày ở bài viết tham khảo để viết kiểu bài nghị luận tương tự.	- Các bằng chứng đưa ra xác thực, chính xác có sức thuyết phục mạnh đối với người đọc.
---	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).
- HS thực hành các bước để viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm										
* Chuẩn bị viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ – Đầu tiên, GV cho HS tự nghiên cứu (theo nhóm) phần Thực hành viết gồm bốn bước lớn trong SGK. Sau đó, mỗi nhóm nêu các vấn đề còn thắc mắc để trao đổi chung, mục đích là để tất cả đều có nhận thức thông suốt về quy trình viết. – GV giúp HS tìm, lựa chọn được đề tài viết thích hợp với mình, dựa vào phần gợi ý của SGK. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân, nêu thắc mắc và lựa chọn đề tài. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS chia sẻ câu trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phần trình bày của HS. * Tìm ý, lập dàn ý Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm ý theo phiếu tìm ý (cột bên). - GV yêu cầu HS dự kiến cả những lí lẽ và bằng chứng. <u>Lưu ý:</u> + Bằng chứng: Nên lựa chọn những bằng chứng sát hợp, tiêu biểu, có ý nghĩa để tăng sức thuyết phục (bằng chứng được thu thập thông qua quan sát, trải nghiệm trực tiếp của cá nhân hoặc bằng	1. Chuẩn bị viết: Một số đề tài gợi ý: - Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn; - Thực hành lối sống xanh; - Đấu tranh cho bình đẳng giới; - Tôn trọng sự khác biệt; - Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ; - Trách nhiệm với lớp người yếu thế trong xã hội; - Ý nghĩa của các diễn đàn, câu lạc bộ khởi nghiệp;... 2. Tìm ý, lập dàn ý Phiếu tìm ý <table> <tr> <th>Các ý cần tìm</th><th>Kết quả thảo luận</th></tr> <tr> <td>- Nên chọn những bằng chứng gì để làm sáng tỏ các luận điểm?</td><td></td></tr> <tr> <td>- Những ý kiến sáng giá nào có thể trích dẫn?</td><td></td></tr> <tr> <td>- Có thể bàn về vấn đề từ góc nhìn trái chiều như thế nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>- Việc nhận thức sâu sắc về vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người, trước hết là với chính người viết?</td><td></td></tr> </table>	Các ý cần tìm	Kết quả thảo luận	- Nên chọn những bằng chứng gì để làm sáng tỏ các luận điểm?		- Những ý kiến sáng giá nào có thể trích dẫn?		- Có thể bàn về vấn đề từ góc nhìn trái chiều như thế nào?		- Việc nhận thức sâu sắc về vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người, trước hết là với chính người viết?	
Các ý cần tìm	Kết quả thảo luận										
- Nên chọn những bằng chứng gì để làm sáng tỏ các luận điểm?											
- Những ý kiến sáng giá nào có thể trích dẫn?											
- Có thể bàn về vấn đề từ góc nhìn trái chiều như thế nào?											
- Việc nhận thức sâu sắc về vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người, trước hết là với chính người viết?											

chứng được khai thác từ sách báo và các phương tiện truyền thông. Cần lưu ý đặc biệt những bằng chứng gần gũi, thiết thực.)

+ Lí lẽ: Cần có cách tiếp cận vấn đề từ những góc nhìn khác nhau, từ đó đưa ra cùng lúc cả lí lẽ mang tính khẳng định và lí lẽ phản bác các quan điểm trái chiều.

- *Hướng dẫn HS lập dàn ý theo phiếu Lập dàn ý (cột bên)*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc phần Tìm ý, lập dàn ý trong SGK và các yêu cầu của phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 nhóm HS chia sẻ kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS.

*** Viết**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS viết bài hoàn chỉnh theo sự lựa chọn.

GV lưu ý:

- HS dựa vào dàn ý để triển khai bài viết.

+ Mỗi luận điểm cần được triển khai thành một đoạn văn, có câu chủ đề với các ý nhỏ triển khai chủ đề.

+ Thường xuyên chú ý mạch lạc và liên kết của bài viết, sử dụng chính xác và đúng chỗ các phương tiện liên kết.

+ Việc trích dẫn các ý kiến bàn về vấn đề (nếu có) cần đảm bảo tính trung thực, không cắt xén, có ghi nguồn đầy đủ, chính xác (phần trích dẫn trực tiếp phải được đặt trong ngoặc kép).

+ Chú ý sử dụng hình thức đối thoại (với các quan điểm khác) nhằm làm cho vấn đề trở nên nổi bật và sắc nét.

+ Có thể vận dụng linh hoạt các yếu tố tự sự và biểu cảm, nhất là khi đề cập những trải nghiệm của bản thân để làm tăng tính thuyết phục của lập luận.

+ HS có thể viết bài trên lớp hoặc ở nhà.

Phiếu Lập dàn ý

Hướng dẫn	Thực hành
1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết.	
2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.	
3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: - Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận, hướng bàn luận và ý nghĩa chung của việc bàn luận về vấn đề (Có thể giới thiệu vấn đề theo cách trực tiếp hoặc theo cách gián tiếp nhưng không được dài dòng và cần giúp người đọc nắm rõ ngay từ đầu bài viết sẽ bàn luận về vấn đề gì). - Thân bài: + Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề. + Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp. + Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề. + Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận. + Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều. - Kết bài: Tóm tắt những luận điểm chính đã trình bày và khẳng định ý nghĩa của vấn đề trên cơ sở thu thập	

- Sau khi viết, HS cần đọc lại, chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết theo hướng dẫn của GV. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Cá nhân HS viết bài. Bước 3: Báo cáo, thảo luận 2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận, trả bài * GV yêu cầu HS nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài GV cho HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài và xác định những điểm then chốt. Cần chú ý: Với hoạt động viết ở Bài 4, việc chọn đúng đề tài không hề dễ dàng vì nó đòi hỏi người thực hiện phải có khả năng tư duy tổng quát. Các yêu cầu khác về triển khai nội dung, sử dụng thao tác nghị luận,.. không có nhiều điểm khác biệt so với những bài viết mà HS từng thực hiện trước đó. * Nhận xét về kết quả viết và yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu ở các bài viết của HS (bài viết cá nhân hoặc bài viết mang tính tập thể), chọn đọc và phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau theo thang đánh giá để giúp HS nhận ra những điều cần phát huy hoặc bổ cứu. - Trả bài cho HS, yêu cầu các em sửa chữa theo hướng dẫn trong SGK và theo những điều vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc sửa chữa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm). * GV nhận xét, chấm điểm theo Rubric đánh giá bài viết (bên dưới)	<table border="1" data-bbox="922 114 1465 215"> <tr> <td>nhiều tư liệu và bằng chứng mới.</td><td></td></tr> </table> 3. Viết: HS thực hành viết theo các bước Đề bài: Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn (Tham khảo Bảng tìm ý và lập dàn ý bên dưới)	nhiều tư liệu và bằng chứng mới.	
nhiều tư liệu và bằng chứng mới.			

BẢNG TÌM Ý

Vấn đề mà bài viết tập trung bàn luận	“Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn”
Các ý cần tìm	- LĐ1: Có những tệ nạn mang tính đặc trưng của xã hội hiện đại hay không? - LĐ2: Vì sao tự bảo vệ mình trước các tệ nạn cần được xem là một vấn đề phải suy nghĩ nghiêm túc? - LĐ3: Tự bảo vệ mình có những biểu hiện cụ thể nào và đòi hỏi sự chủ động, sáng suốt của mỗi cá nhân ra sao?

- LĐ4: Ý thức về vấn đề tự bảo vệ mình có liên quan gì tới việc xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân....
--

DÀN Ý THAM KHẢO

Đề bài: Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn

1. Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận: **Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn**

2. Thân bài:

*** Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề:**

- Một thực tế đáng buồn đang diễn ra hiện nay: Nhiều loại tệ nạn xã hội xuất hiện, tác động không nhỏ tới đời sống của mọi người dân.
- Có rất nhiều hình thức được gọi là tệ nạn xã hội: Ma túy, cờ bạc, nghiện hút, nghiện rượu, mại dâm, chơi game quá mức,...

*** Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp:**

- Diễn ra ở nhiều nơi (dẫn chứng): Từ thành phố đến những làng quê vốn được coi là yên bình, từ miền ngược đến miền xuôi,...
- Có nhiều đối tượng, nhiều lứa tuổi (dẫn chứng).
- Xảy ra liên tục ở nhiều thời gian, nhiều thời điểm khác nhau.

*** Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề:**

- Những tác hại mà tệ nạn xã hội gây ra:
 - + Về vật chất.
 - + Về thời gian.
 - + Về sức khỏe.
 - + Về đạo đức, lối sống, nhân cách con người.
- Không chỉ ảnh hưởng tới cá nhân người mắc tệ nạn mà còn ảnh hưởng xấu tới gia đình, xã hội,... (Dẫn chứng, phân tích).

*** Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận:**

- Cá nhân: Trang bị những hiểu biết về tệ nạn xã hội để tránh xa nó, sống có bản lĩnh, suy nghĩ và làm việc lành mạnh,...
- Gia đình: Vai trò giáo dục, quản lí thời gian, tiền bạc, vai trò nêu gương của người lớn,...
- Xã hội: Ngăn chặn tệ nạn, tạo công ăn việc làm, sân chơi lành mạnh, thực thi pháp luật nghiêm minh,...

*** Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều:**

- Đôi khi tệ nạn xã hội ẩn núp trá hình dưới vỏ bọc những thứ tốt đẹp
- Có những người khi sa vào tình trạng tiêu cực, dễ dàng thỏa hiệp với bản thân và sa chân vào tệ nạn mà không hay
- Hoặc có những kẻ biện hộ cho những tệ nạn: nó là tất yếu của xã hội, nó là thử thách, nó là phép thử để loại trừ khỏi xã hội những kẻ yếu đuối, hoặc dùng một chút có sao đâu, chẳng qua để chứng minh ta có sức mạnh ý chí tránh xa được tệ nạn,...

3. Kết bài:

- Tránh xa các tệ nạn xã hội vừa là cách để bảo vệ bản thân, vừa là cách để tự khẳng định nhân cách, đạo đức của mỗi con người.

- Góp phần xây dựng xã hội lành mạnh, văn minh, phát triển.

Rubric đánh giá bài viết

TIÊU CHÍ	CẢN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.
Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** HS viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.
- b. **Nội dung:** Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.
- c. **Sản phẩm:** Bài viết của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Viết văn bản nghị luận về:
- + Tôn trọng sự khác biệt;
- + Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ;...
- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS viết bài ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp. HS khác nhận xét, góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chấm điểm theo Rubric quy định chung (đã có ở hoạt động luyện tập)

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 43

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG **(Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)**

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS chủ động hơn trong việc tham gia thảo luận về một vấn đề trong đời sống – hoạt động từng được thực hiện nhiều lần ở các lớp dưới.

- HS biết đề xuất ý kiến riêng và trao đổi với các ý kiến khác trên tinh thần xây dựng, hướng tới sự đồng thuận, hiểu biết lẫn nhau và hiểu biết sâu hơn về vấn đề thảo luận.

- HS thể hiện được sự nhanh nhạy và tư duy tích cực của bản thân trước các thách thức của đời sống hiện đại.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề văn học mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,...

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip https://www.youtube.com/watch?v=bh8YsrFm7pw (00:05– 01:41) HS trả lời câu hỏi: - Đoạn Clip nói về điều gì? - Em có nhận xét gì về hành vi của tên ăn cắp? - Em hãy thử phán đoán về nguyên nhân của hành vi đó. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	HS thể hiện quan điểm cá nhân

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe: **Thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)**

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe: **Thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)**

c. Sản phẩm: Bài thảo luận đúng yêu cầu và quy trình.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV nhắc HS kiểm tra lại sự chuẩn bị của mình cho cuộc thảo luận (theo những gì đã được hướng dẫn trong SGK Ngữ văn 11, tập một, tr. 120 và theo đề tài	I. CHUẨN BỊ THẢO LUẬN 1. Lựa chọn đề tài (Theo cá nhân hoặc theo nhóm) * Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ kết quả của hoạt động viết trước đó, chẳng hạn: - Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn; - Thực hành lối sống xanh; - Đấu tranh cho bình đẳng giới;

thảo luận đã được lớp thống nhất từ trước). - GV (hoặc HS được cử điều hành thảo luận) thông qua nội dung và tiến trình thảo luận: đề tài, người đăng kí phát biểu ý kiến, thời gian quy định cho một lượt phát biểu ý kiến, nguyên tắc thảo luận,... Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu	- Tôn trọng sự khác biệt; - Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ; - Trách nhiệm với lớp người yếu thế trong xã hội; - Ý nghĩa của các diễn đàn, câu lạc bộ khởi nghiệp;... 2. Tìm ý và sắp xếp ý + Tìm ý: <table border="1" data-bbox="683 405 1465 1120"> <thead> <tr> <th colspan="2">Phiếu tìm ý</th></tr> <tr> <th>Các ý cần tìm</th><th>Kết quả thảo luận</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Giới thiệu vấn đề thảo luận</td><td></td></tr> <tr> <td>- Nên chọn những bằng chứng gì để làm sáng tỏ các luận điểm?</td><td></td></tr> <tr> <td>- Những ý kiến sáng giá nào có thể trích dẫn?</td><td></td></tr> <tr> <td>- Có thể bàn về vấn đề từ góc nhìn trái chiều như thế nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>- Việc nhận thức sâu sắc về vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người, trước hết là với chính người viết?</td><td></td></tr> </tbody> </table> + Sắp xếp ý: Sắp xếp ý theo trật tự Mở - Thân – Kết	Phiếu tìm ý		Các ý cần tìm	Kết quả thảo luận	- Giới thiệu vấn đề thảo luận		- Nên chọn những bằng chứng gì để làm sáng tỏ các luận điểm?		- Những ý kiến sáng giá nào có thể trích dẫn?		- Có thể bàn về vấn đề từ góc nhìn trái chiều như thế nào?		- Việc nhận thức sâu sắc về vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người, trước hết là với chính người viết?	
Phiếu tìm ý															
Các ý cần tìm	Kết quả thảo luận														
- Giới thiệu vấn đề thảo luận															
- Nên chọn những bằng chứng gì để làm sáng tỏ các luận điểm?															
- Những ý kiến sáng giá nào có thể trích dẫn?															
- Có thể bàn về vấn đề từ góc nhìn trái chiều như thế nào?															
- Việc nhận thức sâu sắc về vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người, trước hết là với chính người viết?															

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) theo quy trình
- b. Nội dung:** Thảo luận và đánh giá rút kinh nghiệm về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).
- c. Sản phẩm:** Bài thảo luận của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ 1: Thảo luận - GV (hoặc HS được cử điều hành thảo luận) mời lần lượt các HS có tên trong danh sách đăng kí phát biểu ý kiến lên bày tỏ quan điểm, đánh giá, nhận định của mình về vấn đề thảo luận. - Chú ý nhắc HS đảm bảo thời gian quy định cho một lượt phát biểu ý kiến, tránh lặp lại những ý	II. THẢO LUẬN VÀ ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM 1. Thảo luận <table border="1" data-bbox="922 1794 1465 2080"> <thead> <tr> <th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Bày tỏ thái độ hưởng ứng tích cực đối với đề tài, vấn đề thảo luận.</td><td>- Theo dõi sát tiến trình thảo luận.</td></tr> </tbody> </table>	Người nói	Người nghe	- Bày tỏ thái độ hưởng ứng tích cực đối với đề tài, vấn đề thảo luận.	- Theo dõi sát tiến trình thảo luận.
Người nói	Người nghe				
- Bày tỏ thái độ hưởng ứng tích cực đối với đề tài, vấn đề thảo luận.	- Theo dõi sát tiến trình thảo luận.				

kiến đã phát biểu trước, tránh đẩy vấn đề đi xa nội dung chính của cuộc thảo luận. - Tuỳ diễn biến cụ thể của cuộc thảo luận, GV có thể đặt ra một số câu hỏi để khơi sâu vấn đề, giúp HS có được định hướng phù hợp khi thảo luận: nêu ý kiến đồng tình, phản bác, bổ sung lí lẽ, bằng chứng,... - GV cần có những khơi gợi hợp lí để hướng HS tập trung suy nghĩ về việc rút ra bài học cho bản thân. Nhiệm vụ 2: Đánh giá, rút kinh nghiệm - Việc trao đổi được thực hiện ở hai thời điểm khác nhau. Thời điểm thứ nhất là sau mỗi ý kiến tham gia thảo luận. Thời điểm thứ hai là lúc chuẩn bị kết thúc cuộc thảo luận. Ở thời điểm trước, sự trao đổi mang tính chất cọ xát ý kiến giữa những người đăng kí phát biểu. Ở thời điểm sau, sự trao đổi gắn với việc đánh giá tổng thể về cuộc thảo luận và rút kinh nghiệm. - Tuỳ tình hình thực tế, GV có thể chuẩn bị sẵn mẫu phiếu đánh giá để phát cho HS. Nội dung phiếu cần có đủ các thông tin về người được đánh giá (người phát biểu ý kiến thảo luận), căn cứ đánh giá (nội dung ý kiến, kĩ năng trình bày ý kiến, kĩ năng tương tác trong thảo luận,...), kết quả đánh giá (đạt, chưa đạt). Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc nhóm hoặc cá nhân, sắp xếp, kiểm tra lại phần trình bày và phương tiện hỗ trợ. - GV hướng dẫn HS thể hiện phần thảo luận dưới dạng chương trình: Trường Teen. - HS trực tiếp tham gia thảo luận và phản biện. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS hoặc đại diện HS các nhóm tham gia thảo luận. - Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thể hiện của bạn, của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn. - Tự đánh giá về bài trình bày theo hướng dẫn. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm.	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="911 118 1281 1216"> - Nắm bắt được tốt nội dung các ý kiến đã phát biểu và chiều hướng phát triển của cuộc thảo luận. - Nêu được ý kiến làm sáng tỏ đề tài, vấn đề thảo luận với lí lẽ sắc bén và bằng chứng sinh động, tạo được sự kết nối liền mạch với các ý kiến đã phát biểu trước đó. - Thể hiện được văn hóa tranh luận khi nêu ý kiến phản bác. - Biết thu hút sự chú ý của người nghe bằng việc kết hợp linh hoạt phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. - Làm chủ được thời gian phát biểu ý kiến (không vượt quá khung quy định). </td><td data-bbox="1281 118 1471 1216"> - Ghi chép những ý kiến phát biểu độc đáo hoặc những ý kiến cần được trao đổi thêm. - Thể hiện sự tôn trọng người nói, tạo điều kiện cho người nói thể hiện tốt nhất ý kiến của mình. - Chuẩn bị ý kiến để sẵn sàng tham gia thảo luận. </td></tr> </table> 2. Đánh giá, rút kinh nghiệm - Người điều hành tổng kết thảo luận, nêu những điều đã đạt được đồng thuận và những điều còn có ý kiến khác nhau, đặc biệt, nhấn mạnh ý nghĩa của đề tài, vấn đề thảo luận trong việc giúp mỗi người xác định được thái độ sống tích cực trong xã hội hiện đại. - Người điều hành biểu dương sự đóng góp của tập thể và từng cá nhân cho sự thành công (theo những mức độ khác nhau) của cuộc thảo luận. - Tập thể cùng rút kinh nghiệm về khâu tổ chức thảo luận, từ bước chuẩn bị đến bước triển khai. - Từng cá nhân tự rút ra những bài học bổ ích cho bản thân về kĩ năng phát	- Nắm bắt được tốt nội dung các ý kiến đã phát biểu và chiều hướng phát triển của cuộc thảo luận. - Nêu được ý kiến làm sáng tỏ đề tài, vấn đề thảo luận với lí lẽ sắc bén và bằng chứng sinh động, tạo được sự kết nối liền mạch với các ý kiến đã phát biểu trước đó. - Thể hiện được văn hóa tranh luận khi nêu ý kiến phản bác. - Biết thu hút sự chú ý của người nghe bằng việc kết hợp linh hoạt phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. - Làm chủ được thời gian phát biểu ý kiến (không vượt quá khung quy định).	- Ghi chép những ý kiến phát biểu độc đáo hoặc những ý kiến cần được trao đổi thêm. - Thể hiện sự tôn trọng người nói, tạo điều kiện cho người nói thể hiện tốt nhất ý kiến của mình. - Chuẩn bị ý kiến để sẵn sàng tham gia thảo luận.
- Nắm bắt được tốt nội dung các ý kiến đã phát biểu và chiều hướng phát triển của cuộc thảo luận. - Nêu được ý kiến làm sáng tỏ đề tài, vấn đề thảo luận với lí lẽ sắc bén và bằng chứng sinh động, tạo được sự kết nối liền mạch với các ý kiến đã phát biểu trước đó. - Thể hiện được văn hóa tranh luận khi nêu ý kiến phản bác. - Biết thu hút sự chú ý của người nghe bằng việc kết hợp linh hoạt phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. - Làm chủ được thời gian phát biểu ý kiến (không vượt quá khung quy định).	- Ghi chép những ý kiến phát biểu độc đáo hoặc những ý kiến cần được trao đổi thêm. - Thể hiện sự tôn trọng người nói, tạo điều kiện cho người nói thể hiện tốt nhất ý kiến của mình. - Chuẩn bị ý kiến để sẵn sàng tham gia thảo luận.		

- Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của bài Thảo luận về một vấn đề trong đời sống (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) để HS rút kinh nghiệm. - GV phát phiếu và yêu cầu HS điền thông tin vào phiếu, thu lại để theo dõi hoạt động nói và nghe của lớp, từ đó, có thêm cơ sở đánh giá năng lực của từng HS (Phụ lục 1 bên dưới). - Tham khảo bài thuyết trình (Phụ lục 2 bên dưới)	biểu ý kiến và kĩ năng tương tác nói – nghe trong thảo luận.
--	--

PHỤ LỤC 1 PHIẾU ĐÁNH GIÁ

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn được vấn đề thu hút sự quan tâm của xã hội để thảo luận.		
2	Ý kiến đánh giá, bình luận về vấn đề được trình bày mạch lạc, rõ ràng.		
3	Trình bày đúng bản chất vấn đề.		
4	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
5	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		

PHỤ LỤC 2

Dàn ý tham khảo cho bài nói: Cư dân của hành tinh

1. Mở bài:

- Nêu vấn đề cần thảo luận: Cư dân của hành tinh.
- Ý nghĩa: Đây là vấn đề đáng suy ngẫm để xác định được cho mình một thái độ sống tích cực, có trách nhiệm với cuộc đời và sự sống nói chung.

2. Thân bài:

- Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề.
- Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp.
 - + Xem xét vấn đề từ nguồn gốc chung của loài người.
 - + Xem xét vấn đề từ thực tiễn lịch sử cận – hiện đại của thế giới.
 - + Xem xét vấn đề từ mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc.
- Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề.
- Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận: Ứng xử thực tế cần có của mỗi người khi nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề bàn luận.
- Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều.

3. Kết bài: Tóm tắt những luận điểm chính đã trình bày và khẳng định ý nghĩa của vấn đề trên cơ sở thu thập nhiều tư liệu và bằng chứng mới.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được chủ đề và hình thành được những luận điểm để sẵn sàng trình bày hoặc phản biện.

b. Nội dung: Thành lập các nhóm tìm hiểu các vấn đề xã hội.

c. Sản phẩm: Các số tiếp theo của chương trình **Trường Teen**.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm có cùng sở thích tìm hiểu các vấn đề xã hội.
- GV lựa chọn nhóm trưởng, hướng dẫn phân công HS tìm hiểu, thu thập thông tin và chuẩn bị nội dung thảo luận, có thể là những nội dung trên lớp chưa kịp thảo luận, chẳng hạn:

1. Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn;
2. Thực hành lối sống xanh;
3. Đấu tranh cho bình đẳng giới;
4. Tôn trọng sự khác biệt;
5. Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ;
6. Trách nhiệm với lớp người yếu thế trong xã hội;
7. Ý nghĩa của các diễn đàn, câu lạc bộ khởi nghiệp;...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

--GV tổ chức buổi thảo luận trên lớp hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa

--HS chuyển tài liệu lên trang <https://drive.google.com/drive>

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được, lưu ý những kỹ năng quan trọng khi thảo luận đối với HS

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (CẢ BÀI 4)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Chỉ ra các điểm tương đồng, khác biệt giữa truyện thơ và thơ trữ tình. Kể tên các bài thơ trữ tình giàu yếu tố tự sự mà bạn biết, ngoài các bài có trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11.

Câu 2. Tìm đọc thêm các truyện thơ dân gian nổi tiếng được in trong một số sách thuộc loại hợp tuyển, tổng hợp (ví dụ: *Tổng hợp văn học Việt Nam*, tập 40 và tập 41, NXB Khoa học xã

hội, Hà Nội, 2000). Ghi lại phần tóm tắt nội dung các truyện thơ dân gian đã đọc cùng một số câu, đoạn thơ bạn cho là đặc sắc.

Câu 3. Lập dàn ý chi tiết cho bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (tự chọn) theo những gợi ý ở phần *Viết*.

Câu 4. Nếu được giao nhiệm vụ điều hành cuộc thảo luận trên lớp về một vấn đề đời sống, bạn sẽ nêu yêu cầu gì đối với người tham gia để đảm bảo cho cuộc thảo luận đạt kết quả mong muốn?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện nhóm gửi kết quả vào nhóm lớp (Sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI:

Câu 1. Điểm tương đồng, khác biệt giữa truyện thơ và thơ trữ tình.

*** Giống nhau:**

- Hình thức: theo thể thơ với các khổ và các dòng thơ ngắn....
- Nội dung: truyền tải tâm tư, nguyện vọng của người viết.

*** Khác nhau**

Tiêu chí so sánh	Truyện thơ	Thơ trữ tình
Khái niệm	Là những truyện kể dài bằng thơ, có sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình, phản ánh cuộc sống của những người nghèo khổ, khát vọng về tình yêu và sự tự do.	Là thể thơ tác giả thường bộc lộ những cảm xúc riêng tư, cá thể, đời sống, thể hiện tâm tư, tình cảm của con người về cuộc đời, thời cuộc.
Đặc trưng	- Chủ đề: hạnh phúc đôi lứa của những cặp đôi bất hạnh. - Cốt truyện: từ yêu tha thiết, tình yêu đổ vỡ, khó khăn, thử thách và quay lại với nhau.	- Chủ đề: đa dạng, thường mượn cảnh vật để bày tỏ tình cảm. - Cốt truyện: không rõ ràng bởi thơ trữ tình thường không kể tình tiết cũng không miêu tả nhân vật cụ thể.
Hình thức	Những câu thơ dài ngắn khác nhau, độ dài khổ thơ cũng tùy thuộc, thường ít đối thơ.	Thơ trữ tình thường theo một thể loại nhất định, có quy luật về vần, nhịp điệu, số từ trong một câu và số câu trong một đoạn.

*** Thơ trữ tình giàu yếu tố tự sự mà em biết:** *Nhớ rừng* – Thế Lữ; *Đây thôn Vĩ Dạ* – Hàn Mặc Tử,...

Câu 2. Một số truyện thơ dân gian nổi tiếng:

*** *Truyện Lục Vân Tiên* – Nguyễn Đình Chiểu:**

- Tóm tắt nội dung: Truyện nói về nhân vật Lục Vân Tiên – người anh hùng trượng nghĩa, văn võ song toàn đã cứu giúp Kiều Nguyệt Nga khỏi tay bọn cướp. Từ đó xây dựng nên câu chuyện tình yêu đầy cảm động giữa hai người.

- Một số câu thơ:

*Trước đèn xem truyện Tây minh,
Găm cười hai chữ nhân tình éo le.
Hồi ai lắng lặng mà nghe,
Dữ răn việc trước, lành dè thân sau.*

*** Truyện Kiều – Nguyễn Du:**

- Tóm tắt: Câu chuyện kể về cuộc đời mười lăm năm đoạn trường của Thúy Kiều với ba phần: Gặp gỡ và đính ước; Gia biến và lưu lạc; Đoàn tụ.

- Một số câu thơ:

*Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*

...

*Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.*

Câu 3. Dàn ý cho đề bài: Tôn trọng sự khác biệt

1. Mở bài:

- Nêu vấn đề cần bàn luận: **Tôn trọng sự khác biệt.**

- Ý nghĩa: Đây là vấn đề đáng suy ngẫm để xác định được cho mình một thái độ sống tích cực, có trách nhiệm với cuộc đời và sự sống nói chung.

2. Thân bài:

- **Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề:** Cuộc sống muôn màu, mỗi người là một tiểu vũ trụ, không ai giống ai, khác biệt là tất yếu.

- **Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp.**

+ Tôn trọng khác biệt là gì?

++ Tôn trọng là thái độ đánh giá cao, không vi phạm hay xúc phạm.

++ Quan điểm của mỗi người được hình thành từ cách suy nghĩ, đánh giá một sự vật, sự việc, hiện tượng nào đó.

++ Tôn trọng khác biệt là sự hành xử đúng mực, coi trọng danh dự, nhân phẩm và quyền lợi của mỗi người. Đồng thời phải biết sống hòa hợp, yêu thương mọi người. Trong bất cứ sự việc nào diễn ra trong cuộc sống, chúng ta cần phải biết cách tôn trọng quan điểm của người khác.

+ Sự cần thiết phải tôn trọng khác biệt:

++ Mỗi người có suy nghĩ, cách đánh giá, hệ giá trị khác nhau nên sẽ có quan điểm khác nhau về một vấn đề nào đó trong cuộc sống. Tôn trọng quan niệm của người khác cũng chính là tôn trọng sự khác biệt của mỗi người.

++ Tôn trọng khác biệt giúp cho người đó tự tin vào bản thân mình hơn, lạc quan hơn vào cuộc sống.

++ Tôn trọng khác biệt giúp chúng ta có cái nhìn khách quan hơn về cuộc sống, học được cách lắng nghe, đồng cảm, từ đó hoàn thiện bản thân mình hơn.

++ Tôn trọng quan điểm của người khác cũng chính là tôn trọng quan điểm của chính mình. Người biết tôn trọng quan điểm của người khác sẽ được mọi người yêu quý và tôn trọng.

++ Tôn trọng khác biệt sẽ tạo ra một môi trường sống lành mạnh, tích cực, văn minh, thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân.

+ Biểu hiện của sự tôn trọng khác biệt:

++ Về thái độ, lời nói: Tỏ ra tôn trọng mọi người xung quanh và luôn giữ đúng chuẩn mực, chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung

++ Về cử chỉ, hành động: Cư xử đúng phép tắc, theo quy định chung, chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung...

- **Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề.**

- **Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận**

- **Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều:**

+ Đừng áp đặt suy nghĩ, định kiến hoặc thói quen của mình lên người khác. Cần phải học cách tôn trọng lẫn nhau, hòa nhập với nhau.

+ Hẳn nhiên, tôn trọng cũng không phải là con đường một chiều, mà là hai chiều.

+ Chúng ta có thể đồng ý hoặc không đồng ý với quan điểm của người khác nhưng không tìm cách vui dập hoặc coi thường suy nghĩ của họ.

3. Kết bài: Tóm tắt những luận điểm chính đã trình bày và khẳng định ý nghĩa của vấn đề trên cơ sở thu thập nhiều tư liệu và bằng chứng mới.

Câu 4. Nếu được giao nhiệm vụ điều hành cuộc thảo luận trên lớp về một vấn đề đời sống, em sẽ nêu yêu cầu sau trước khi cuộc thảo luận diễn ra:

- Mọi người đều cần phải đóng góp ý kiến để bài thảo luận đạt hiệu quả cao nhất.

- Các thành viên khác cần lắng nghe quan điểm của bạn mình và đưa ra suy nghĩ của bản thân về quan điểm đó.

- Nghiêm cấm các hành vi công kích, áp đặt lên quan điểm của nhau.

- Đóng góp của mọi người đều sẽ được ghi nhận một cách công bằng, văn minh.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- **Chuẩn bị bài 5:** Nhân vật và xung đột trong bi kịch (Đọc Tri thức Ngữ văn và văn bản 1. *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....

.....

.....